

Số: /NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO 2
26-02-2026

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 10

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch Tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch Tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 1662/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Đồng Nai năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 22/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 01 tháng 12 năm 2025 Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 – 2030;

Căn cứ Quyết định số 2263/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét Tờ trình số 27/TTr-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về Nghị quyết thông qua điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với một số nội dung chủ yếu sau:

I. PHẠM VI RANH GIỚI ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH

Bao gồm toàn bộ tỉnh Đồng Nai với tổng diện tích tự nhiên hơn 12.737,18 km², bao gồm 95 đơn vị hành chính cấp xã (72 xã và 23 phường) với ranh giới hành chính được xác định như sau:

- Phía Tây và Tây Nam giáp Thành phố Hồ Chí Minh.
- Phía Tây Bắc giáp tỉnh Tây Ninh.
- Phía Đông giáp tỉnh Lâm Đồng.
- Phía Bắc giáp vương quốc Campuchia.

Tọa độ địa lý tỉnh Đồng Nai: Khoảng 10°30' đến 12°19' vĩ độ Bắc và từ 106°24' đến 107°35' kinh độ Đông.

II. QUAN ĐIỂM, TẦM NHÌN, MỤC TIÊU VÀ CÁC ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển

a) Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải phù hợp, đồng bộ với định hướng, tầm nhìn phát triển đất nước, chủ trương, đường lối của Đảng; Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh Vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quy hoạch cấp Quốc gia, Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030.

b) Phát huy vị thế của Đồng Nai trong vùng và quốc tế, tăng cường kết nối, giao thương với vương quốc Campuchia và các địa phương khác trong vùng Đông Nam Bộ; vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Hướng tới mục tiêu phát triển bền vững cả về kinh tế, xã hội, môi trường và không gian, góp phần thực hiện mục tiêu mà Việt Nam đã cam kết đưa phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050.

c) Phát huy tiềm năng, thế mạnh, lợi thế cạnh tranh của một tỉnh trọng điểm trong khu vực Đông Nam Bộ, có khu vực biên giới, lấy Cảng hàng không quốc tế Long Thành, hành lang ven sông Đồng Nai làm động lực mới cho phát triển đột phá.

Thu hút đầu tư có chọn lọc, có trọng tâm, trọng điểm, hướng tới các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sinh thái, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp sinh học; đổi mới sáng tạo; nông nghiệp công nghệ cao; dịch vụ tổng hợp, trọng tâm là giáo dục - đào tạo, y tế, logistics, du lịch.

d) Đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế; thu hẹp chênh lệch phát triển giữa các khu vực trong tỉnh; phát triển kinh tế khu vực biên giới, kinh tế hàng không, kinh tế tầm thấp, kinh tế bạc, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số, kinh tế chia sẻ, kinh tế tri thức, kinh tế sáng tạo. Phần đầu phát triển Đồng Nai trở thành địa phương tiên phong đi đầu trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển của đất nước trong kỷ nguyên mới; là đầu mối lớn về giao thông và logistics, trung tâm lớn về kinh tế, văn hóa, giáo dục đại học, nghiên cứu và phát triển, khoa học công nghệ; chủ động nâng cao khả năng thích ứng của nền kinh tế với yêu cầu hội nhập quốc tế.

đ) Phát huy nhân tố con người, lấy con người là trung tâm, là chủ thể, là nguồn lực và là mục tiêu quan trọng nhất của sự phát triển. Lấy giá trị văn hóa là một trụ cột trong phát triển bền vững; nâng cao sức khỏe, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Chú trọng giáo dục – đào tạo, y tế và an sinh xã hội, thực hiện mục tiêu “Đầu tư cho an sinh, phúc lợi xã hội đi trước một bước so với phát triển kinh tế”. Tạo môi trường sống và làm việc tốt nhất để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân tài, chuyên gia, nhà khoa học và các nhóm khác đến sinh sống và làm việc tại Đồng Nai. Phát triển hài hòa, hỗ trợ các nhóm yếu thế, đảm bảo không ai bị bỏ lại phía sau.

e) Sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên, nhất là tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên rừng; bảo vệ môi trường, cân bằng sinh thái, không đánh đổi thiệt hại về môi trường với lợi ích kinh tế trong quá trình phát triển. Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, phát triển bền vững theo xu hướng chuyển đổi xanh dựa trên phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế các-bon thấp, cụ thể hóa cam kết hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng “0” trong phát triển kinh tế - xã hội.

g) Tập trung phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thông minh để mở rộng không gian phát triển; phát triển hài hòa các khu vực đô thị, nông thôn; khai thác và sử dụng hiệu quả không gian ngầm, không gian trên cao, tài nguyên số, không gian số; tập trung phát triển một số khu vực theo mô hình phát triển đô thị gắn với giao thông công cộng (TOD). Đẩy mạnh xây dựng các hành lang kinh tế, vành đai công nghiệp, hệ thống đô thị, các ngành dịch vụ, logistics gắn với các hành lang giao thông kết nối vùng, liên vùng và quốc tế. Phát triển nhanh, bền vững và hài hòa giữa các vùng, thu hẹp khoảng cách chênh lệch về mức độ phát triển giữa các địa phương và khu vực trong tỉnh.

h) Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội - môi trường với bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh và đối ngoại; xây dựng khu vực biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển bền vững. Chủ động nắm chắc tình hình, không để bị động bất ngờ trong mọi tình huống, đặc biệt chú trọng ở các địa bàn chiến lược; bảo vệ vững chắc chủ quyền, an ninh biên giới.

2. Mục tiêu phát triển đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát

Đến năm 2030, tỉnh Đồng Nai cơ bản đạt các tiêu chuẩn của thành phố trực thuộc Trung ương theo hướng văn minh, hiện đại, bền vững, tốc độ tăng trưởng cao, vượt qua ngưỡng thu nhập cao trong nhóm đầu của cả nước. Kinh tế phát triển năng động và đi đầu trong phát triển kinh tế hàng không, kinh tế bạc, kinh tế tầm thấp, công nghiệp công nghệ cao, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội, hệ thống đô thị phát triển đồng bộ, hiện đại, thông minh, bền vững, giàu bản sắc, với đặc trưng là phát triển đô thị sân bay, đô thị sinh thái đẳng cấp quốc tế, đủ điều kiện tổ chức sự kiện tầm cỡ khu vực và quốc tế. Phát triển hài hòa, không ai bị bỏ lại phía sau, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa; bảo vệ môi trường sinh thái, đa dạng sinh học, thích ứng với biến đổi khí hậu; đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh.

b) Mục tiêu cụ thể

- Về kinh tế:

+ Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) bình quân 10-12%/năm. GRDP bình quân đầu người đến năm 2030 đạt trên 250 triệu đồng.

+ Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP đến năm 2030 đạt trên 30%.

- Về xã hội:

+ Quy mô dân số trung bình đến năm 2030 đạt khoảng 5,7 triệu người, dân số quy đổi khoảng 7 triệu người.

+ Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2030 đạt 55-57%.

+ Đến năm 2030, tuổi thọ trung bình đạt 77,67 tuổi; Chỉ số phát triển con người HDI đạt 0,78.

- Về tài nguyên và môi trường:

+ Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn môi trường đạt 100%.

- Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội: chủ động nắm chắc tình hình, xây dựng vững chắc thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân, bảo vệ vững chắc chủ quyền, an ninh biên giới; xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Các chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội khác thực hiện theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

Đồng Nai phấn đấu trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2035, đến năm 2050 Đồng Nai đi đầu trong phát triển công nghiệp công nghệ cao, có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, thông minh, hiện đại; là trung tâm giao thương quốc tế, du lịch, dịch vụ gắn với các đô thị đẳng cấp quốc tế, nơi tập trung trí thức và nhân tài, lấy kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn là trọng tâm góp phần hoàn thành mục tiêu phát thải ròng bằng “0”. Phát triển hài hòa, người dân có cuộc sống phồn vinh, hạnh phúc, không ai bị bỏ lại phía sau. Quốc phòng, an ninh, chủ quyền quốc gia, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm vững chắc.

4. Các nhiệm vụ trọng tâm

a) Về xây dựng cơ chế chính sách, đề án

- Xây dựng Đề án đề xuất Quốc hội ban hành Nghị quyết về cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Đồng Nai, trong đó có bao gồm thành lập Khu thương mại tự do.

- Xây dựng và triển khai các Đề án, gồm: Đề án phát triển tỉnh Đồng Nai trở thành Thành phố trực thuộc trung ương vào năm 2035; Đề án Phát triển Đô thị thông minh cho tỉnh Đồng Nai; Đề án nâng cao năng lực, thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Đồng Nai.

- Xây dựng Đề án và triển khai các hoạt động phát triển kinh tế tầm thấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Xây dựng đề án thu hút đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, nhân lực trình độ cao tới sinh sống và làm việc tại Đồng Nai.

b) Về cảng hàng không quốc tế Long Thành và đô thị sân bay Long Thành

- Hoàn thành xây dựng và đưa vào vận hành Cảng hàng không quốc tế Long Thành.

- Quy hoạch và triển khai quy hoạch đô thị sân bay Long Thành, trong đó bao gồm Khu thương mại tự do, Khu công nghiệp công nghệ cao, Khu công nghệ số tập trung, Khu đổi mới sáng tạo, Khu giáo dục đào tạo đại học chất lượng cao, Khu logistics hàng không, Trung tâm dịch vụ hàng không, đảm bảo điều kiện làm việc và sinh sống của tầng lớp trí thức, sáng tạo trong khu vực.

- Xây dựng các công trình đủ điều kiện phục vụ các sự kiện, triển lãm, và hội nghị cấp vùng và quốc tế.

c) Về phát triển đô thị và hạ tầng giao thông

- Phê duyệt quy hoạch đô thị sân bay Long Thành, đô thị Biên Hòa, đô thị Trảng Bom, đô thị Nhơn Trạch và các quy hoạch phân khu đảm bảo tiến độ theo kế hoạch đề ra.

- Tập trung nguồn lực quy hoạch và xây dựng tuyến đại lộ ven sông Đồng Nai quy mô 8-10 làn xe và đường ven hồ Trị An.

- Phối hợp xây dựng hoàn thiện hệ thống đường cao tốc, quốc lộ, hạ tầng kết nối vùng, hạ tầng giao thông kết nối phía Bắc và phía Nam tỉnh Đồng Nai, các tuyến đường sắt quốc gia và cấp vùng đi qua địa bàn tỉnh, các trung tâm logistics dọc theo tuyến đường sắt và các tuyến đường giao thông lớn, gần các cảng hàng không, cảng đường thủy, cảng biển.

- Di dời các cảng thủy nội địa hàng hóa và vật liệu xây dựng ra khỏi khu vực đô thị.

- Đẩy nhanh việc xây dựng tuyến đường sắt Thủ Thiêm – Long Thành; đường sắt đô thị đoạn Suối Tiên – Trung tâm chính trị, hành chính tỉnh – Cảng hàng không quốc tế Long Thành.

- Đẩy mạnh triển khai phát triển đô thị gắn với định hướng giao thông công cộng (TOD).

- Tập trung thực hiện các dự án, công trình trọng điểm của tỉnh theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Về khu công nghiệp, cụm công nghiệp

- Triển khai xây dựng và phát triển khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư trở thành hạt nhân trong phát triển kinh tế - xã hội khu vực biên giới phía Bắc tỉnh Đồng Nai.

- Xây dựng các khu công nghiệp xanh, khu công nghiệp sinh thái, thực hiện chuyển đổi các khu công nghiệp hiện hữu theo lộ trình thực hiện mục tiêu giảm phát thải các-bon. Tập trung thu hút đầu tư các dự án hiện đại, có giá trị gia tăng cao, công nghệ mới, thân thiện môi trường, gắn với chuỗi giá trị toàn cầu và khu vực.

- Sắp xếp lại các khu, cụm công nghiệp đã được phê duyệt, chưa triển khai theo hướng gắn với các trục giao thông chính (độc tuyến cao tốc, vành đai), trung tâm logistics và mở rộng quy mô hợp lý, phù hợp với tiêu chuẩn khu, cụm công nghiệp sinh thái.

5. Các khâu đột phá

a) Về định hướng chiến lược: quy hoạch và phát triển các khu vực trong tỉnh hướng tới mục tiêu chiến lược về phát triển bền vững, môi trường sống tốt, thu hút đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, nhân lực trình độ cao đến sinh sống và làm việc tại Đồng Nai.

b) Về kết cấu hạ tầng: khai thác hiệu quả Cảng hàng không quốc tế Long Thành gắn với mô hình đô thị sân bay. Hoàn thành bộ khung kết nối nội tỉnh, vùng, liên vùng và quốc tế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, hoàn thiện kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, thông minh, thích ứng biến đổi khí hậu trong toàn tỉnh. Thúc đẩy phát triển đô thị gắn với định hướng giao thông công cộng (TOD).

c) Về đô thị và du lịch: triển khai các dự án đô thị, du lịch, dịch vụ nghỉ dưỡng đẳng cấp ven sông, ven núi, ven hồ, tập trung phát triển: các khu đô thị - du lịch - dịch vụ kề cận sân bay Long Thành; khu đô thị - du lịch núi Chứa Chan, hồ Núi Lẻ; Khu đô thị - du lịch hồ Suối Giai; khu đô thị - du lịch núi Bà Rá – Thác Mơ; chuỗi đô thị ven sông Đồng Nai (tập trung các khu vực đô thị Biên Hòa, Long Thành, Nhơn Trạch).

d) Về nguồn nhân lực: thành lập các Tổ hợp giáo dục và đào tạo đại học quy mô lớn tại đô thị Long Thành, đô thị Nhơn Trạch, đô thị Long Khánh, đô thị Đồng Xoài. Đẩy mạnh đào tạo, nâng cao năng lực và thu hút, giữ chân trọng dụng đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, nhân lực trình độ cao. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH QUAN TRỌNG

1. Phương hướng phát triển ngành quan trọng

a) Ngành công nghiệp:

- Ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghệ mới, công nghệ cao với các cấu phần chính gồm: các khu công nghiệp chuyên ngành, khu công nghiệp công nghệ cao, khu công nghiệp sinh thái; dịch vụ hỗ trợ công nghiệp; trung tâm nghiên cứu phát triển, công viên khoa học; trung tâm đào tạo, giáo dục nghề nghiệp; trung tâm đổi mới sáng tạo, vườn ươm khởi nghiệp.

- Phát triển công nghiệp theo định hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và mục tiêu phát thải ròng bằng “0”.

- Chuyển đổi các khu công nghiệp hiện hữu theo hướng phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, lựa chọn sản phẩm, công đoạn có giá trị gia tăng cao tham gia chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu. Chú trọng phát triển 3 nhóm sản phẩm mũi nhọn gồm: công nghiệp hàng không vũ trụ; công nghiệp bán dẫn, sản xuất chip và trí tuệ nhân tạo; thiết bị tự động hóa và thiết bị công nghệ thông tin.

- Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo địa bàn, định hướng phát triển nhóm ngành công nghiệp cơ khí, hóa chất, điện tử, công nghiệp công nghệ cao và công nghệ hỗ trợ phục vụ các ngành công nghiệp mũi nhọn tại các khu vực đô thị Biên Hòa, Nhơn Trạch, Long Thành, Trảng Bom, Chơn Thành, Đồng Phú, Đồng Xoài.

- Tập trung nguồn lực đẩy mạnh phát triển công nghiệp tại khu vực phía Bắc của tỉnh Đồng Nai, trong đó ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp chế biến sâu (cao su, điều, chế biến thực phẩm, Halal), công nghiệp cơ khí chế tạo, thiết bị điện, điện tử; công nghiệp sản xuất thiết bị y tế, hóa dược, dược phẩm; công nghiệp vật liệu, nhất là vật liệu mới, vật liệu xây dựng xanh; công nghiệp dệt may, nhựa, cao su; công nghiệp năng lượng và năng lượng tái tạo (điện mặt trời, điện sinh khối, điện rác, điện khí LNG), và các ngành nghề công nghiệp hỗ trợ theo hướng công nghệ sạch, tham gia sâu vào chuỗi cung ứng.

b) Ngành dịch vụ:

- Phát triển dịch vụ trở thành cấu phần kinh tế quan trọng của tỉnh. Trong đó chú trọng phát triển các lĩnh vực dịch vụ thương mại, logistics, du lịch... Phát triển các ngành dịch vụ hỗ trợ (tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, khoa học công nghệ, viễn thông...).

- Phát triển ngành kinh tế bạc, bao gồm dịch vụ hướng tới các sản phẩm đáp ứng nhu cầu và cải thiện chất lượng sống của nhóm người cao tuổi gắn với viện dưỡng lão, các dịch vụ du lịch kết hợp chăm sóc sức khỏe.

- Tăng cường liên kết vùng, quốc gia và quốc tế, với vai trò là một trong những trung tâm giao thương quan trọng của vùng Đông Nam Bộ; trên cơ sở khai thác cảng hàng không quốc tế Long Thành, cảng biển Phước An, Khu thương mại tự do, khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư làm động lực để đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa, sản xuất công nghiệp, thương mại điện tử và vận chuyển hành khách. Chủ động hội nhập, tận dụng khai thác các thế mạnh trong các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam tham gia.

- Phát triển hệ thống vận tải đa phương thức cùng các dịch vụ logistics, lấy nền tảng là các trung tâm logistics hiện đại cấp vùng và cấp tỉnh. Tập trung đào tạo và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao. Phát triển các sản phẩm du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, giải trí; du lịch văn hóa, du lịch MICE... gắn với thế mạnh địa phương.

c) Ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản:

- Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và xây dựng nông thôn mới theo hướng bền vững, thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị với 3 nhóm sản phẩm

chủ lực (sản phẩm chủ lực quốc gia, tỉnh và đặc sản của địa phương); phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao; kết nối nông nghiệp với công nghiệp chế biến sâu, xuất khẩu theo chuỗi giá trị; đa dạng hóa sản phẩm nhằm nâng cao chất lượng, đáp ứng được các tiêu chuẩn sản xuất an toàn, truy xuất nguồn gốc và phục vụ xuất khẩu. Phát triển thủy sản theo hướng công nghệ cao, tuần hoàn, gắn chuyển đổi số, truy xuất nguồn gốc và chuỗi giá trị; Khai thác hiệu quả mặt nước, đất nông nghiệp kém hiệu quả, nâng cao giá trị gia tăng, bảo vệ môi trường, hướng tới phát triển xanh, bền vững.

- Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất. Xây dựng ngành lâm nghiệp trở thành ngành kinh tế - kỹ thuật theo hướng hiện đại, hiệu quả, gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa bảo vệ và phát triển rừng với khai thác hợp lý, góp phần bảo vệ môi trường, giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ tiên tiến, hiện đại vào công tác bảo vệ rừng, phát triển rừng.

2. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác

a) Giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp:

- Cụ thể hóa các định hướng chiến lược của Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

- Ưu tiên đầu tư phát triển mạng lưới trường, lớp các cấp theo hướng hiện đại, giáo dục số, đảm bảo cơ hội tiếp cận giáo dục cơ bản cho mọi đối tượng, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, khu vực biên giới. Chú trọng bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục các cấp học. Khuyến khích xã hội hóa để đầu tư xây dựng và phát triển các trường chất lượng ở các cấp học và bậc học.

- Phát triển tỉnh Đồng Nai thành trung tâm giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp cấp vùng và quốc gia; phát triển các mô hình giáo dục, đào tạo mới dựa trên nền tảng số; thành lập các khu giáo dục đại học quy mô lớn tại đô thị sân bay Long Thành, đô thị Nhơn Trạch, đô thị Long Khánh, đô thị Đồng Xoài. Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu về nhân lực có kỹ năng cho phát triển các ngành, lĩnh vực trọng điểm trong định hướng phát triển của tỉnh, nhất là trong lĩnh vực kinh tế, ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ. Xây dựng, triển khai các mô hình đào tạo theo chuỗi, gắn kết với các trung tâm khởi nghiệp, trung tâm đổi mới sáng tạo gắn với các doanh nghiệp, tập đoàn lớn.

- Phát triển hệ thống các cơ sở giáo dục chuyên biệt và trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của người khuyết tật và các nhóm người yếu thế khác. Tăng cường xã hội hóa, huy động các nguồn lực để phát triển hệ thống cơ sở ngoài công lập.

b) Y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân:

- Cụ thể hóa các định hướng chiến lược của Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá nhằm tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

- Khuyến khích thu hút các nguồn vốn đầu tư của mọi thành phần kinh tế để đầu tư phát triển hệ thống y tế và công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân tỉnh Đồng Nai theo hướng hiện đại, chất lượng và ứng dụng kỹ thuật công nghệ cao.

- Phát triển hài hòa giữa công tác khám chữa bệnh, phục hồi chức năng và y tế dự phòng; đảm bảo mọi người dân được hưởng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu và mở rộng tiếp cận, sử dụng các dịch vụ y tế có chất lượng cao; nâng cao sức khỏe thể chất, tinh thần và tuổi thọ của nhân dân trong tỉnh.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ y tế có năng lực chuyên môn, đảm bảo y đức, đủ khả năng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

- Tăng cường nâng cao năng lực và đảm bảo hiệu quả hoạt động bệnh viện vệ tinh của các bệnh viện Trung ương trên địa bàn tỉnh. Đầu tư các bệnh viện quy mô lớn, bệnh viện chuyên khoa hiện đại tại khu vực đô thị sân bay Long Thành, các đô thị Nhơn Trạch, Biên Hòa, Đồng Xoài.

- Quan tâm đầu tư và tăng cường năng lực y tế dự phòng, trung tâm kiểm soát bệnh tật, y tế cơ sở, y tế chuyên sâu, kỹ thuật cao; chủ động ứng phó hiệu quả các loại dịch bệnh; tăng cường công tác quản lý nhà nước về an toàn vệ sinh thực phẩm; đẩy mạnh chuyển đổi số, y tế thông minh để nâng cao hiệu quả hoạt động của ngành y tế.

c) Văn hóa, thể thao:

- Cụ thể hóa các định hướng chiến lược của Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam.

- Phát huy hào khí và sự đa dạng của các dân tộc tại Đồng Nai, xây dựng và phát triển văn hóa, con người Đồng Nai toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, phù hợp với xu thế thời đại. Bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa vật thể, phi vật thể, trong đó chú trọng bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hóa, nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ...

- Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, các thiết chế văn hóa, thể thao đồng bộ, xứng tầm với tiềm năng của tỉnh đảm bảo đủ điều kiện để tổ chức các sự kiện, hoạt động văn hóa thể thao của địa phương, khu vực và thế giới. Phát triển mạnh phong trào thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao ở những bộ môn mà tỉnh có thế mạnh. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ và xã hội hóa trong lĩnh vực thể dục, thể thao.

- Chú trọng phát triển công nghiệp văn hóa, phát triển các sản phẩm, dịch vụ văn hóa, thể thao và sản phẩm du lịch có chất lượng cao mang đậm bản sắc Đồng Nai, phù hợp với xu thế thời đại và mang tầm quốc tế. Không ngừng nâng cao đời sống tinh thần của người dân; từng bước thu hẹp khoảng cách chênh lệch về hạ tầng văn hóa, mức thụ hưởng văn hóa giữa thành thị và nông thôn.

d) Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo

- Cụ thể hóa các định hướng chiến lược của Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh đầu tư cho khoa học, công nghệ, nghiên cứu phát triển, đổi mới sáng tạo; phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ trở thành nền tảng vật chất – kỹ thuật chủ yếu của hệ sinh thái đổi mới sáng tạo tỉnh Đồng Nai, bảo đảm năng lực nghiên cứu, thử nghiệm, chuyển giao và ứng dụng công nghệ cao, phục vụ trực tiếp cho quá

trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và xây dựng mô hình tăng trưởng mới của tỉnh.

- Tập trung phát triển hạ tầng khoa học – công nghệ trọng điểm, gồm: Thành lập Khu công nghệ cao, công viên khoa học và đổi mới sáng tạo, các trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) gắn với các khu công nghiệp, khu kinh tế nhằm thu hút các dự án công nghệ cao, các tập đoàn công nghệ quy mô lớn; xây dựng hạ tầng dữ liệu, nền tảng số và kết nối số trong lĩnh vực khoa học và công nghệ; từng bước phấn đấu đến năm 2030 tỉnh Đồng Nai trở thành trung tâm nghiên cứu, đào tạo và ứng dụng khoa học công nghệ cấp vùng và cả nước.

- Phát triển các hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, liên kết chặt chẽ giữa các địa phương trong các ngành công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ gắn với các chuỗi giá trị nội địa và toàn cầu. Xây dựng các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; triển khai các nền tảng, mạng lưới đổi mới sáng tạo nhằm thu hút nguồn lực đầu tư tạo ra các công nghệ mới, sản phẩm mới. Xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học công nghệ có đủ khả năng tiếp thu, làm chủ, phát triển và chuyển giao công nghệ tiên tiến, trọng tâm là các lĩnh vực đột phá của tỉnh.

đ) An sinh xã hội:

- Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ của các cơ sở trợ giúp xã hội; hướng tới mục tiêu phát triển xã hội công bằng, bền vững, hiệu quả.

- Thực hiện tốt các chế độ, chính sách giảm nghèo và các chính sách đối với người có công, chăm sóc trẻ em, người cao tuổi, bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; có chính sách hỗ trợ người nghèo, các đối tượng yếu thế được tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản, tạo việc làm bền vững; đảm bảo an sinh xã hội và phúc lợi xã hội, nâng cao đời sống của người dân khu vực vùng sâu, vùng xa, khu vực biên giới. Tập trung phát triển nhà ở phù hợp khả năng chi trả, nhà ở xã hội, nhất là nhà ở công nhân. Đẩy mạnh công tác phòng, chống tệ nạn xã hội.

Phát triển ngành các hoạt động kinh tế, sản phẩm và dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu và cải thiện cuộc sống của nhóm người cao tuổi.

e) Quốc phòng, an ninh

Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo quốc phòng, an ninh, chủ quyền biên giới phù hợp với thể trận phòng thủ quốc gia. Xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh vững chắc. Nâng cao hiệu quả, khả năng sẵn sàng chiến đấu đáp ứng được nhu cầu bảo vệ đất nước. Chủ động nắm chắc tình hình, phát hiện từ sớm, từ xa các nguy cơ về an ninh, trật tự để xử lý kịp thời, không để bị động bất ngờ. Giữ vững an ninh chính trị; đấu tranh, phòng, chống có hiệu quả tội phạm và vi phạm pháp luật; đảm bảo trật tự xã hội, an toàn giao thông, phòng, chống cháy nổ.

IV. PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Phương án bố trí không gian

Phát triển tỉnh Đồng Nai theo 5 vùng kinh tế - xã hội như sau:

- Vùng đổi mới sáng tạo, hàng không, công nghệ cao, trong đó bao gồm các xã,

phường phía Tây Nam của tỉnh¹: chú trọng phát triển đô thị sân bay Long Thành, phát triển các khu đô thị ven sông, khu dân cư cao cấp và dịch vụ y tế, giáo dục đào tạo chất lượng cao và trung tâm thương mại gắn với cảnh quan sông nước. Bên cạnh đó đẩy mạnh phát triển khu thương mại tự do, sản xuất nhẹ, công nghiệp hàng không, dịch vụ tài chính, dịch vụ du lịch và logistics với các ưu đãi đặc biệt để thu hút FDI chất lượng cao trong lĩnh vực bán dẫn, quang học, người máy, hàng không. Thúc đẩy phát triển logistics đa phương thức kết nối liền mạch hàng không, cảng biển, đường bộ, đường sắt. Ngoài ra định hướng phát triển cụm dịch vụ tri thức và dịch vụ văn phòng, dịch vụ số, nghiên cứu phát triển và đổi mới sáng tạo.

- Vùng công nghiệp sinh thái - cửa khẩu gồm các xã, phường phía Tây Bắc của tỉnh²: Là khu vực cửa ngõ thương mại nông sản và logistics, thương mại xuyên biên giới với một số ưu đãi đặc biệt; bao gồm cụm sản xuất chiến lược và chế biến nông – lâm nghiệp dựa trên nguồn lực và nguyên liệu địa phương cũng như các khu đô thị vệ tinh hỗ trợ, là nơi sinh sống của công nhân và gia đình. Vùng cũng phát triển công nghiệp sinh thái thiết kế chuyên biệt và các khu đô thị vệ tinh hỗ trợ kiến tạo hệ sinh thái sống – làm việc – giải trí cho người lao động tại các Khu công nghiệp. Chú trọng phát triển đô thị Đồng Xoài như là hạt nhân kết nối không gian phát triển đô thị của vùng.

- Vùng nông nghiệp công nghệ cao bao gồm các xã khu vực Đông Bắc³, là nơi sản xuất tập trung, ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp để sản xuất sản phẩm nông sản hàng hóa có lợi thế của vùng, bảo đảm đạt năng suất, chất lượng cao, giá trị gia tăng cao và thân thiện với môi trường. Đồng thời vùng cũng có các cụm dịch vụ du lịch trải nghiệm tại Vườn quốc gia Bù Gia Mập, hồ Thác Mơ, hồ Cần Đơn và núi Bà Rá.

- Vùng thiên nhiên và giải trí sinh thái của tỉnh⁴, gồm cụm du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, giải trí, chăm sóc sức khỏe gắn với hệ thống lưu trú, nghỉ dưỡng cao cấp tại khu vực hồ Trị An, Vườn quốc gia Cát Tiên, Thác Mai – Bàu Nước Sôi. Bên cạnh đó là cụm khu vực sản xuất năng lượng sạch gắn với hồ Trị An, tập trung vào điện mặt trời thủy điện, điện sinh khối... phục vụ phát triển công nghiệp. Đồng thời, lấy bảo tồn, phát triển các giá trị sinh thái đặc trưng bản địa, gắn với đô thị hóa quy mô nhỏ; phát triển các vùng chăn nuôi, chuyên canh, nông nghiệp công nghệ cao; ổn định đời sống cư dân khu vực nông thôn, tăng mật độ che phủ rừng, góp phần cân bằng sinh thái, điều hòa khí hậu, cải thiện môi trường vùng, đặc biệt là bảo vệ nguồn nước.

- Vùng phát triển nông nghiệp công nghệ cao gắn với đô thị giáo dục bao gồm các xã khu vực phía Đông Nam của tỉnh⁵. Định hướng phát triển công nghiệp – nông nghiệp – dịch vụ với đô thị Long Khánh làm hạt nhân trung tâm, tập trung phát triển

¹ Bao gồm 27 xã/phường: An Phước, An Viễn, Bàu Hàm, Biên Hòa, Bình An, Bình Minh, Đại Phước, Dầu Giây, Hố Nai, Hưng Thịnh, Long Bình, Long Hưng, Long Phước, Long Thành, Nhơn Trạch, Phước An, Phước Tân, Phước Thái, Tam Hiệp, Tam Phước, Tân An, Tân Triều, Trảng Biên, Trảng Bom, Trảng Dài, Xuân Đường, Xuân Quế.

² Bao gồm 22 xã/phường: An Lộc, Bình Long, Bình Phước, Chơn Thành, Đồng Phú, Đồng Tâm, Đồng Xoài, Lộc Hưng, Lộc Ninh, Lộc Quang, Lộc Tấn, Lộc Thành, Lộc Thạnh, Minh Đức, Minh Hưng, Nha Bích, Tân Hưng, Tân Khai, Tân Lợi, Tân Quan, Tân Tiến, Thuận Lợi

³ Bao gồm 18 xã/phường: Bình Tân, Bom Bo, Bù Đăng, Bù Gia Mập, Đa Kia, Đak Nhau, Đăk O, Hưng Phước, Long Hà, Nghĩa Trung, Phú Nghĩa, Phú Riềng, Phú Trung, Phước Bình, Phước Long, Phước Sơn, Thiện Hưng, Thọ Sơn

⁴ Bao gồm 13 xã/phường: Đak Lua, Định Quán, Nam Cát Tiên, Phú Hòa, Phú Lâm, Phú Lý, Phú Vinh, Tà Lài, Tân Phú, Thanh Sơn, Thống Nhất, Trị An, La Ngà

⁵ Bao gồm 15 xã/phường: Bảo Vinh, Bình Lộc, Cẩm Mỹ, Gia Kiệm, Hàng Gòn, Long Khánh, Sông Ray, Xuân Bắc, Xuân Định, Xuân Đông, Xuân Hòa, Xuân Lập, Xuân Lộc, Xuân Phú, Xuân Thành

nông nghiệp gắn với đô thị hóa quy mô vừa và nhỏ làm phương hướng chủ đạo; khu đô thị giáo dục được phát triển trên cơ sở hợp tác với các trường đại học hàng đầu và đối tác doanh nghiệp, nhằm xây dựng nguồn nhân lực sáng tạo cho tương lai. Bên cạnh đó là cụm du lịch nông nghiệp và sinh thái với các các điểm đến độc đáo hiện hữu như Núi Chúa Chan, Hồ Núi Le, các nông trường trái cây Đồng Nai nhằm phục vụ trải nghiệm giá trị và sinh thái.

2. Phương án tổ chức không gian phát triển kinh tế xã hội

Phương án tổ chức không gian phát triển tỉnh Đồng Nai được xây dựng trên cơ sở phát triển 04 không gian, 6 hành lang và 3 vành đai như sau:

- 04 không gian phát triển: (i) Không gian mặt đất: tổ chức hợp lý, hiệu quả các hoạt động kinh tế - văn hóa - xã hội, nhà ở, công trình công cộng, quốc phòng – an ninh và bảo vệ môi trường; (ii) không gian trên cao: phát triển kiến trúc, cảnh quan theo hướng phù hợp quy hoạch đô thị và điều kiện hạ tầng, tập trung vào công trình công cộng, nhà ở, trung tâm thương mại, dịch vụ và các công trình giao thông khác mức; (iii) không gian ngầm: phát triển hạ tầng kỹ thuật ngầm, giao thông ngầm, các công trình phục vụ phát triển thương mại, dịch vụ, chức năng đặc biệt; (iv) không gian số: phát triển kinh tế số, xã hội số, chính quyền số, công dân số, đô thị thông minh.

- 06 hành lang gồm: Hành lang Bắc Nam kết nối phía Bắc và phía Nam của tỉnh; hành lang Hoa Lư - Thành phố Hồ Chí Minh kết nối cửa khẩu với trung tâm vùng Đông Nam Bộ; hành lang đô thị sông Đồng Nai; hành lang Đông - Tây phía Bắc tỉnh; hành lang Đông Tây phía Nam tỉnh và hành lang Thành phố Hồ Chí Minh - Biên Hòa - Vũng Tàu.

- 03 vành đai gồm: Vành đai 4 vùng Thành phố Hồ Chí Minh; Vành đai 5 trên cơ sở nâng cấp Quốc lộ 56 và Quốc lộ 56B; vành đai liên kết Trung tâm Tài chính Thủ Thiêm – Cảng Hàng không Quốc tế Long Thành – Cảng Cái Mép Hạ.

V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ TỔ CHỨC LÃNH THỔ KHU VỰC NÔNG THÔN, KHU VỰC BIÊN GIỚI

1. Phương án quy hoạch hệ thống đô thị

- Phát triển hệ thống đô thị tỉnh Đồng Nai cần tính đến yếu tố liên kết vùng, theo hướng đô thị bền vững, thông minh, xanh và thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp với xu thế phát triển đô thị hiện đại, sống tốt và yêu cầu phát triển dài hạn của tỉnh.

- Phát triển đô thị gắn với mô hình TOD, phát triển nén, hỗn hợp, thiết lập các không gian đặc trưng quanh các nhà ga giao thông công cộng. Đối với các khu vực đô thị có mật độ dân số cao, xem xét phát triển không gian ngầm cho các công trình hạ tầng hoặc các công trình xây dựng để tối ưu hoá nguồn lực đất đai.

- Đến năm 2030, toàn tỉnh có 22 đô thị, trong đó, có 03 đô thị loại II bao gồm các Đô thị Biên Hòa, Đô thị Long Khánh và Đô thị Đồng Xoài và 19 đô thị loại III, trong đó các đô thị lớn đều được mở rộng phạm vi bao phủ toàn bộ địa giới hành chính của các phường sau sắp xếp, một số đô thị là các thị trấn cũ thuộc các xã sau sắp xếp mở rộng phạm vi toàn xã hoặc mở rộng phạm vi các thị trấn cũ.

(Chi tiết tại Phụ lục I)

2. Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn

Phát triển nông thôn theo mô hình nông thôn mới và nông thôn mới hiện đại, gắn với hệ thống hạ tầng và giao thông liên xã, bảo đảm phát triển bền vững. Phát huy tiềm năng và giá trị văn hóa – du lịch – cảnh quan của các làng nghề truyền thống. Phát triển các khu vực nông thôn gắn với vùng sản xuất, phù hợp phong tục tập quán, đặc điểm tự nhiên của từng vùng trong tỉnh trên cơ sở kế thừa từ các điểm dân cư hiện hữu, cải tạo chỉnh trang hạ tầng nông thôn kết hợp với xây dựng mới, bảo vệ môi trường. Thực hiện cơ giới hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, chuyển từ canh tác nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp, khuyến khích phát triển nông nghiệp quy mô lớn thông qua liên kết và hợp tác. Rút ngắn khoảng cách về trình độ phát triển giữa thành thị với nông thôn trên địa bàn tỉnh.

3. Phương án phát triển khu vực biên giới

Với các xã vùng biên giới, định hướng phát triển nông thôn gắn với sản xuất công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao và giao thương vùng biên, đồng thời vẫn đảm bảo các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh với hạt nhân là Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư; Với các xã đặc biệt khó khăn, nghiên cứu khai thác tiềm năng, đẩy mạnh phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội; giảm nghèo nhanh, bền vững, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống so với vùng phát triển; giảm dần địa bàn đặc biệt khó khăn; phát triển các khu vực cửa khẩu theo định hướng quy hoạch hệ thống cửa khẩu của Chính phủ.

Tiếp tục quy hoạch tuyến đường giao thông vành đai biên giới, quy hoạch tuyến đường tuần tra biên giới thành tuyến đường lưỡng dụng kết nối các khu chức năng khu vực các cửa khẩu, các điểm dân cư, trung tâm xã; kết nối đồng bộ vành đai biên giới của Đồng Nai, kết nối cửa khẩu quốc tế Hoa Lư với cửa khẩu quốc tế Mộc Bài và đường vành đai biên giới các tỉnh Tây Ninh, Lâm Đồng. Hình thành hành lang kinh tế vận tải - logistics quốc tế chiến lược kết nối Việt Nam – Campuchia dọc theo tuyến Quốc lộ 13, Cao tốc 30 và tuyến đường sắt xuyên Á; kết nối Hoa Lư với sân bay Long Thành, cảng Cái Mép - Thị Vải.

VI. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU CHỨC NĂNG VÀ CÁC KHU VỰC CÓ VAI TRÒ ĐỘNG LỰC

1. Phương án phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp và cụm công nghiệp

a) Tổ chức không gian phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo hướng tập trung, quy mô lớn, có đầy đủ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và bảo vệ môi trường gắn với các tuyến đường cao tốc, đường vành đai, đường sắt. Không phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp mới trong khu vực phát triển đô thị loại I, khu vực gần sông để đảm bảo hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường. Phát triển hệ thống khu kinh tế, khu công nghiệp và cụm công nghiệp của tỉnh theo hướng hiện đại, chuyên ngành, khu công nghiệp xanh, sinh thái, đóng vai trò chủ lực tổ chức sản xuất công nghiệp quy mô lớn, mang tính dẫn dắt tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu theo chiều sâu và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh Đồng Nai trong mạng lưới sản xuất - logistics quốc gia và quốc tế.

b) Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư trở thành hạt nhân phát triển kinh tế xã hội phía

Bắc, được định hướng phát triển theo mô hình khu kinh tế biên giới đa chức năng bao gồm các khu chức năng: trung tâm logistics - công nghiệp - nông nghiệp công nghệ cao - dịch vụ - đô thị - năng lượng xanh đóng vai trò là cực tăng trưởng và cửa ngõ giao thương quan trọng, kết nối trực tiếp với Campuchia và mở rộng liên kết vùng với các trung tâm kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, khu vực Tây Nguyên được hỗ trợ bởi cơ chế, chính sách đặc thù và kết nối hạ tầng liên vùng, liên quốc gia, nhằm tạo dòng lưu chuyển hàng hoá - dịch vụ - lao động - định cư hiệu quả và bền vững.

Nghiên cứu hình thành khu thương mại tự do là khu chức năng trong khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư.

c) Đến năm 2030, Đồng Nai quy hoạch 88 khu công nghiệp được phân bổ theo chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

(Chi tiết tại Phụ lục II)

d) Đến năm 2030, Đồng Nai quy hoạch 68 cụm công nghiệp, trong đó tiếp tục phát triển 54 cụm công nghiệp đã được quy hoạch, quy hoạch mới 14 cụm công nghiệp giai đoạn 2021-2030, đồng thời rút khỏi quy hoạch 09 cụm công nghiệp. Giai đoạn 2031-2050, đề xuất bổ sung 14 cụm công nghiệp tiềm năng.

(Chi tiết tại Phụ lục III)

3. Phương án phát triển khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung, khu đổi mới sáng tạo, khu thương mại tự do

- Khu công nghệ cao: Hình thành và phát triển Khu công nghệ cao Đồng Nai với trọng tâm thu hút, phát triển các lĩnh vực tiên tiến như công nghệ thông tin, điện tử, tự động hóa, công nghệ hàng không, công nghệ trí tuệ nhân tạo. Xây dựng hạ tầng kết nối khu công nghệ cao với các khu công nghiệp, cụm công nghiệp nhằm hình thành hệ sinh thái liên kết, hỗ trợ sản xuất, thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển đổi số, khởi nghiệp sáng tạo...

- Khu công nghệ số tập trung: Khai thác lợi thế Cảng hàng không quốc tế Long Thành để thành lập khu công nghệ số tập trung tại đô thị sân bay Long Thành. Tập trung thu hút đầu tư các trung tâm dữ liệu hiện đại, luân chuyển dòng chảy dữ liệu quốc tế.

- Khu đổi mới sáng tạo: Thành lập khu đổi mới sáng tạo tại Đô thị sân bay Long Thành; Khu Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo tại đô thị Đồng Xoài với chức năng hỗ trợ và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tiên tiến và thu hút các doanh nghiệp, tập đoàn giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ quốc tế nhằm góp phần đổi mới mô hình tăng trưởng dựa trên khoa học công nghệ.

- Thành lập Khu thương mại tự do Đồng Nai tại khu vực đô thị sân bay Long Thành và vùng phụ cận theo mô hình phức hợp bao gồm bốn khu chức năng chính là sản xuất công nghiệp công nghệ cao; logistics số; dịch vụ tài chính, thương mại – dịch vụ, giáo dục; khu công nghệ số tập trung, và khu đổi mới sáng tạo dựa trên mạng lưới giao thông và các chức năng của tỉnh Đồng Nai. Với mục tiêu thu hút các nhà đầu tư hàng đầu trong các lĩnh vực ưu tiên, khu Thương mại tự do sẽ triển khai các chính sách hiệu quả để huy động nguồn lực đầu tư vào hạ tầng chiến lược, từ đó xây dựng một địa bàn hấp dẫn cho các hoạt động sản xuất công nghiệp công nghệ cao, dịch vụ tài chính, sàn giao dịch vàng, logistics số, đổi mới sáng tạo, kinh tế số và

thương mại. Đồng thời, khu vực này được gắn kết với Cảng hàng không quốc tế Long Thành trở thành điểm đến quan trọng trong hành lang vận tải Thái Bình Dương - Ấn Độ Dương, cung cấp dịch vụ logistics xanh với chi phí tối ưu, thuận tiện và cạnh tranh.

(Chi tiết tại Phụ lục IV)

4. Phương án phát triển các khu, vùng du lịch

- Phát huy tiềm năng, thế mạnh về cảnh quan ven sông, ven núi, ven hồ, hệ thống rừng phòng hộ, đa dạng tài nguyên sinh học và tài nguyên văn hóa - lịch sử; khai thác tiềm năng hình thành và phát triển các khu đô thị - du lịch; du lịch kết hợp với y tế chăm sóc sức khỏe, du lịch kết hợp với tổ chức sự kiện, hội thảo (MICE), du lịch trải nghiệm – văn hóa nhằm tiến tới đưa du lịch trở thành một trong những ngành kinh tế quan trọng của tỉnh.

- Các vùng du lịch trọng điểm bao gồm: Cụm du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, giải trí cao cấp hồ Trị An, Vườn quốc gia Cát Tiên, Vườn quốc gia Bù Gia Mập, núi Chứa Chan, Thác Mai - Bàu nước sôi; cụm du lịch văn hóa cộng đồng S'tiêng sóc Bom Bo, Văn miếu Trấn Biên và các di tích lịch sử tại Trấn Biên; cụm du lịch văn hóa Bà Rá - Thác Mơ; cụm du lịch MICE & Giải trí tại Long Thành; cụm du lịch nông nghiệp và cộng đồng (tại Bình Lộc, Hàng Gòn, Tân Triều, Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Cát Tiên, Tà Lài, Định Quán, Hiếu Liêm, Phú Lý,...); cụm đô thị - du lịch ven sông Đồng Nai và các điểm du lịch khác trên toàn tỉnh theo quy hoạch chi tiết ngành.

(Chi tiết tại Phụ lục V)

5. Phương án phát triển các khu chức năng khác

a) Đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật để phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu nông nghiệp công nghệ cao, Trung tâm bảo quản và chế biến nông sản; Trung tâm giống cây trồng, vật nuôi, các khu chăn nuôi tập trung tại một số khu vực, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp đô thị đối với các sản phẩm chủ lực và sản phẩm đặc sản của địa phương, gắn với xây dựng chuỗi liên kết từ sản xuất đến chế biến và tiêu thụ nông sản.

(Chi tiết tại Phụ lục VI)

b) Phương án phát triển khu bảo tồn thiên nhiên

Khu vực cần được bảo tồn, tu bổ và khai thác hợp lý gồm Khu bảo tồn Thiên nhiên Văn hóa Đồng Nai; Vườn quốc gia Cát Tiên, Vườn quốc gia Bù Gia Mập. Đồng thời thiết lập hành lang đa dạng sinh học Cát Tiên (Đồng Nai) - Cát Lộc (Lâm Đồng).

6. Phương án phát triển các khu vực có vai trò động lực

Đến năm 2030, lấy 02 khu vực làm động lực phát triển mới cho tỉnh, gồm:

a) Khu vực Đô thị sân bay Long Thành

- Hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông kết nối Cảng hàng không quốc tế Long Thành với hệ thống đường cao tốc, đường sắt quốc gia và vùng, đảm bảo kết nối hạ tầng đa phương thức giữa các phân khu, đô thị trung tâm của thành phố Hồ Chí Minh với Đồng Nai. Phát triển toàn diện hệ sinh thái dịch vụ hàng không hiện đại và đồng

bộ trong phạm vi Cảng hàng không quốc tế Long Thành và khu vực lân cận hướng tới hình thành “thành phố Sân bay Long Thành” trở thành trung tâm dịch vụ, logistics và trung chuyển khu vực Đông Nam Á.

- Tại khu vực đô thị Long Thành: phát triển khu đô thị phía Tây Nam cảng hàng không quốc tế Long Thành, xây dựng hệ sinh thái hàng không đồng bộ trở thành trung tâm tài chính - dịch vụ hàng không, địa điểm giao lưu thương mại, ngoại giao, văn hóa giữa Việt Nam và thế giới; phát triển các tuyến công nghiệp, logistics phía Đông Nam sân bay, liên kết với hệ thống công nghiệp - dịch vụ hậu cần cảng biển Cái Mép - Thị Vải; phát triển chuỗi đô thị - công nghiệp - dịch vụ theo trục cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu, Quốc lộ 51 và Vành đai 4 vùng Thành phố Hồ Chí Minh; định hướng hình thành đô thị sân bay Long Thành.

- Tại khu vực đô thị Nhơn Trạch: phát triển chuỗi đô thị - dịch vụ - đổi mới sáng tạo - công nghiệp công nghệ cao ven sông, kết nối đồng bộ về cơ sở hạ tầng, dịch vụ logistics cùng với Cảng hàng không quốc tế Long Thành và với hệ thống cảng biển Cái Mép - Thị Vải, cảng biển Phước An; phát triển trung tâm đô thị - dịch vụ đẳng cấp quốc tế, trung tâm đổi mới sáng tạo tại khu vực đô thị trung tâm xã Nhơn Trạch. Phát triển tuyến dịch vụ - du lịch kết nối Cảng hàng không quốc tế Long Thành với khu dự trữ sinh quyển Cần Giờ.

- Tại xã Cẩm Đường: phát triển khu đô thị - công nghiệp - dịch vụ- thể thao giải trí tại cửa ngõ phía Đông và Đông Nam Cảng hàng không quốc tế Long Thành.

b) Khu vực hành lang sông Đồng Nai:

Lấy sông Đồng Nai làm trục phát triển kinh tế năng động của tỉnh. Kế thừa, duy trì, tối ưu hóa cấu trúc mạng lưới kênh rạch ven sông Đồng Nai; xây dựng Đại lộ ven sông quy mô 8-10 làn xe; xúc tiến xây dựng các cầu qua sông để tăng cường liên kết với Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận. Bảo vệ và phát triển cân bằng, hợp lý cảnh quan xanh toàn tuyến ven sông kết hợp các mô hình phát triển dịch vụ, đô thị, du lịch sinh thái có chọn lọc. Liên kết hài hòa tuyến cảnh quan ven sông với trục TOD liên đô thị. Phát triển giao thông đường thủy phục vụ du lịch và dân dụng, cùng các hoạt động vui chơi giải trí nước đa dạng, cụ thể:

- Khu vực ven sông phân đoạn Tân Phú - Định Quán: Phát triển khu du lịch Hồ Trị An và các cụm dịch vụ du lịch theo mô hình du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí gắn với rừng và các hoạt động bảo vệ cảnh quan, bảo vệ rừng đầu nguồn, bảo tồn tài nguyên nước.

- Khu vực ven sông phân đoạn Hồ Trị An: Định hướng trở thành khu du lịch quốc gia với mô hình du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, giải trí cao cấp, gắn với bảo tồn cảnh quan mặt nước và hệ sinh thái rừng. Trong đó tập trung xây dựng tuyến đường ven hồ Trị An và hình thành các khu nghỉ dưỡng ven hồ gắn với cảnh quan thiên nhiên, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế bạc của tỉnh.

- Khu vực ven sông phân đoạn Tân An - Tân Triều: mô hình không gian nông nghiệp - đô thị sinh thái gắn với trục công nghiệp và hạ tầng giao thông, hình thành tuyến đô thị năng động hai bên sông.

- Khu vực ven sông phân đoạn Biên Hòa - Long Thành: đây là phân đoạn trung tâm và động lực phát triển chính của toàn tuyến hành lang sông Đồng Nai với điểm

nhân là Khu đô thị Hiệp Hòa và khu vực chuyển đổi công năng khu công nghiệp Biên Hòa I thành khu đô thị và Trung tâm chính trị, hành chính tỉnh Đồng Nai. Định hướng phát triển thành trục không gian cảnh quan - giao thông - dịch vụ đô thị, tổ chức thành hệ thống công viên, quảng trường, không gian công cộng liên tục; phát triển các tuyến đạo bộ, xe đạp và giao thông công cộng ven sông. Hình thành tuyến giao thông công cộng đường thủy kết hợp với các điểm trung chuyển đa phương thức, định hướng phát triển các trung tâm TOD ven sông. Đoạn phía Nam phát triển các khu đô thị - dịch vụ cao cấp, kiểu mẫu, từng bước giãn dân từ khu vực trung tâm hiện hữu và thu hút dân cư từ Thành phố Hồ Chí Minh và các địa phương lân cận.

- Khu vực ven sông phân đoạn Nhơn Trạch: Đoạn hạ lưu sông Đồng Nai được định hướng là không gian đô thị cửa ngõ phía Đông và Đông Nam vùng, phát triển các khu đô thị mới, du lịch, thương mại, dịch vụ, cảng biển; bảo tồn và phát huy giá trị rừng ngập mặn gắn với hoạt động dịch vụ du lịch, tổ chức các không gian mở, mảng xanh, công viên bán ngập... Tăng cường kết nối liên vùng thông qua các công trình giao thông chiến lược.

VII. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông

a) Đường bộ

- Phối hợp với trung ương và các địa phương lân cận, phát triển đồng bộ hệ thống giao thông kết nối vùng như: Cao tốc Bắc - Nam phía Đông (CT.01), Cao tốc Bắc - Nam phía Tây (CT.02), Cao tốc Dầu Giây - Liên Khương (CT.27), Cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu (CT.28), cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây (CT.29), cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Chơn Thành - Hoa Lư (CT.30), Vành đai 3 (CT.40), Vành đai 4 (CT.41).

- Nghiên cứu xây dựng Trục Bắc Nam số 2 (tuyến kết nối cao tốc Gia Nghĩa - Chơn Thành tại khu vực Nghĩa Trung với cao tốc Dầu Giây - Liên Khương tại khu vực Định Quán) giúp rút ngắn hành trình từ các tỉnh khu vực Tây Nguyên về Cảng hàng không quốc tế Long Thành, cụm cảng nước sâu Cái Mép - Thị Vải.

- Xây dựng, hoàn thiện các tuyến Vành đai 3 (CT.40), Vành đai 4 (CT.41) Thành phố Hồ Chí Minh, nghiên cứu phát triển thêm tuyến Vành Đai 5 cho vùng Thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở nâng cấp đồng bộ tuyến QL.56 và QL.56B.

- Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp hệ thống đường quốc lộ, đường vành đai, trục hướng tâm, trục chính đô thị, tăng cường kết nối các khu chức năng; từng bước xây dựng các nút giao thông khác mức, cầu vượt, hầm chui, cầu qua sông trên các trục giao thông chính. Hoàn thiện, nâng cấp các tuyến Quốc lộ 1, 20, 51, 20B, 51C, 55B, 56, 56B, 13, 13B, 13C, 14, 14C.

- Phát triển các trục giao thông đường tỉnh theo các hướng Bắc Nam, Đông Tây tạo thành mạng lưới giao thông liên hoàn giữa các vùng, khu vực trong tỉnh, kết nối với hệ thống giao thông quốc gia. Trong đó mở rộng đường tuần tra biên giới và tập trung đầu tư xây dựng đại lộ ven sông Đồng Nai (quy mô 8-10 làn xe) và đường ven hồ Trị An.

- Nâng cấp, cải tạo và đầu tư mới các đường đô thị, đường liên xã, đường xã tạo thành mạng lưới giao thông đồng bộ và thực hiện theo các quy hoạch, quy định pháp

luật có liên quan. Đối với giao thông đô thị, tập trung một số tuyến giao thông có tính chất quan trọng cho sự phát triển của tỉnh, ưu tiên các tuyến tránh đô thị và đường kết nối.

(Chi tiết tại Phụ lục VII)

b) Đường sắt

- Phối hợp với bộ, ngành trung ương triển khai đầu tư các tuyến đường sắt quốc gia, đường sắt kết nối vùng trên địa bàn theo quy hoạch ngành quốc gia được duyệt (nâng cấp tuyến đường sắt Bắc - Nam; đầu tư xây mới tuyến Biên Hòa - Vũng Tàu, tuyến Trảng Bom – Hòa Hưng, nghiên cứu xây dựng tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc Nam đoạn Thành phố Hồ Chí Minh - Nha Trang; tuyến đường sắt Thành phố Hồ Chí Minh - Lộc Ninh, tuyến đường sắt kết nối với khu vực Tây Nguyên. Báo cáo cấp thẩm quyền cho phép nghiên cứu, đầu tư mới tuyến đường sắt kết nối từ đường sắt Biên Hòa - Vũng Tàu đến cảng Phước An

- Đường sắt đô thị: trước năm 2030, xây dựng kéo dài tuyến đường sắt đô thị Bến Thành - Suối Tiên đến cảng hàng không quốc tế Long Thành, tuyến đường sắt đô thị Thủ Thiêm – Long Thành. Sau năm 2030, nghiên cứu xây dựng các tuyến đường sắt đô thị, gồm:

- + Tuyến đường sắt đô thị trung tâm hành chính mới - sân bay Biên Hòa.
- + Tuyến đường sắt đô thị Biên Hòa - Trảng Bom - Long Khánh.
- + Tuyến đường sắt đô thị Long Khánh - Long Thành.
- + Tuyến đường sắt đô thị sân bay Biên Hòa - sông Đồng Nai (kết nối đến khu vực phía bắc Thành phố Hồ Chí Minh).
- + Tuyến đường sắt đô thị Sân bay Long Thành – Thủ Dầu Một.
- + Tuyến đường sắt nội tỉnh Biên Hòa – Đồng Xoài – Hoa Lư.
- Chủ động đề xuất hệ thống giao thông kết nối tại các nhà ga, tổ chức phát triển TOD tại khu vực xung quanh các nhà ga đường sắt đô thị.

(Chi tiết tại Phụ lục VIII)

c) Đường thủy nội địa

Phát triển đường thủy đa mục tiêu, vừa đảm bảo nhu cầu vận tải hàng hóa phục vụ phát triển kinh tế của tỉnh, vừa đảm bảo phục vụ phát triển vận tải hành khách, du lịch. Kết nối đồng bộ cùng hệ thống giao thông vận tải đường bộ, đường sắt.

- Hệ thống đường thủy nội địa quốc gia do cơ quan Trung ương quản lý trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thực hiện theo Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các Quyết định khác của Bộ Xây dựng có liên quan.

- Hệ thống đường thủy nội địa địa phương do tỉnh quản lý gồm 15 tuyến với tổng chiều dài khoảng 202 km. Hệ thống bến/cụm bến thủy nội địa được nghiên cứu bố trí tại các địa phương dọc hai bên bờ các tuyến đường thủy nội địa và các khu vực lòng hồ thủy điện, thủy lợi phục vụ nhu cầu vận tải thủy của địa phương.

- Nghiên cứu tăng cường kết nối và khả năng vận chuyển của hệ thống đường

thủy nội địa, nâng tỉnh không cầu và khai thông, kết nối tuyến đường thủy phục vụ phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục IX)

d) Cảng biển, cảng cạn

- Đầu tư nâng cấp, xây dựng mới bến cảng, cảng cạn trung tâm logistics, tổng kho trung chuyển kho bãi hàng và hệ thống bến thủy nội địa nhằm phục vụ tốt nhu cầu vận chuyển hàng hóa và hành khách.

- Phát triển các cảng biển thực hiện theo Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Phát triển các cảng cạn thực hiện theo Quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

(Chi tiết tại Phụ lục IX)

e) Trung tâm logistics

- Đến năm 2030 hình thành các trung tâm logistics gồm: Trung tâm logistics phía Nam Cảng hàng không quốc tế Long Thành; Trung tâm logistics phía Đông Bắc Cảng hàng không quốc tế Long Thành; Trung tâm logistics tổng kho trung chuyển miền Đông; Trung tâm logistics tại xã Phước An; Trung tâm logistics Chơn Thành; Trung tâm logistics Đồng Phú, Trung tâm logistics Hoa Lư, Trung tâm logistics Đồng Xoài, Trung tâm logistics Phước Thái, Trung tâm logistics Dầu Giây, Trung tâm logistics Nha Bích, Trung tâm logistics Phước Bình, Trung tâm logistics Tân Lợi.

- Bố trí các trung tâm kho vận nhỏ lẻ khác tại các địa phương khi có nhu cầu.

(Chi tiết tại Phụ lục X)

g) Cầu đường bộ kết nối các tỉnh thành lân cận

Các công trình cầu đường bộ đang xây dựng hoặc đã có chủ trương đầu tư thì tiếp tục triển khai. Bổ sung quy hoạch các cầu đường bộ sau:

- Kết nối Thành phố Hồ Chí Minh: Bổ sung các vị trí cầu Phú Mỹ 2, cầu Long Hưng, cầu thay phà Cát Lái, cầu Hiếu Liêm 2, cầu Tân An - Lạc An, cầu Tân Hiền - Thường Tân, cầu Thạnh Hội 2, cầu đường sắt đô thị sân bay Biên Hòa- TP. Hồ Chí Minh, 03 cầu vượt sông Bé khu vực xã Nha Bích.

- Kết nối tỉnh Lâm Đồng: Bổ sung các vị trí cầu Đak Lua 2, cầu Mỏ Vẹt, cầu Suối Lớn và đường kết nối với Madaguôi, cầu Phú Điền, cầu Phước Cát.

- Kết nối tỉnh Tây Ninh: đường và cầu kết nối thay bến đò Cây Khế hiện hữu.

Ngoài ra, theo nhu cầu hợp tác phát triển giữa các địa phương trong Vùng Đông Nam Bộ và liên vùng sẽ nghiên cứu bổ sung các điểm kết nối khác.

(Chi tiết tại Phụ lục VII)

h) Cảng hàng không

- Phát triển các cảng hàng không thực hiện theo Quy hoạch phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Tập trung phát triển Cảng hàng không quốc tế Long Thành. Nghiên cứu đầu tư xây dựng và khai thác lưỡng dụng cảng hàng không Biên Hòa, sân bay chuyên dùng Hố Nai.

(Chi tiết tại Phụ lục XI)

2. Phương án phát triển hạ tầng điện

- Phát triển hạ tầng điện lực đảm bảo phù hợp với Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Tập trung phát triển nguồn năng lượng xanh, sạch, năng lượng tái tạo bao gồm các loại hình điện sinh khối, điện sản xuất từ rác, chất thải rắn, điện mặt trời tập trung, điện mặt trời mái nhà. Xây dựng, nâng cấp các nhà máy điện sử dụng năng lượng ít phát thải và tiến tới sử dụng khí tự nhiên hóa lỏng (LNG) phù hợp với quy hoạch tổng thể về năng lượng, quy hoạch phát triển điện lực quốc gia và cụ thể hóa Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Tiếp tục xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo các trạm biến áp và đường dây điện 500kV, 220kV và 110kV, các đường dây trung thế, hạ thế kết nối với các nguồn điện mới đáp ứng nhu cầu phụ tải tăng, đặc biệt là tại các Khu kinh tế, Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chức năng và phục vụ cho các dự án trọng điểm quốc gia. Phát triển mạng lưới trung, hạ áp theo quy hoạch đô thị và nông thôn của các địa phương; dần xóa bỏ các trạm biến áp trung gian, thay thế bằng các trạm 110kV hoặc các xuất tuyến trung áp mới. Từng bước ngầm hóa mạng lưới điện trung và hạ thế hiện có.

- Tổ chức mạng lưới trạm sạc điện tại các khu vực khu chung cư, khu công cộng, khu đầu mối hạ tầng năng lượng... đáp ứng nhu cầu năng lượng theo Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải của ngành giao thông vận tải được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Phương án cải tạo, xây mới đường dây và trạm biến áp sau các trạm biến áp 110kV và hạ tầng năng lượng xanh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 thực hiện theo danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu nhiệm vụ.

(Chi tiết tại Phụ lục XII)

3. Phương án phát triển hạ tầng năng lượng, dự trữ xăng dầu, khí đốt

- Triển khai các dự án kho dự trữ xăng dầu, khí đốt cấp quốc gia; đường ống xăng dầu, khí đốt; các dự án xử lý/hóa lỏng khí theo Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia và Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Xây dựng mới tuyến ống dẫn khí cung cấp cho tỉnh Đồng Nai và các tỉnh lân cận.

- Giai đoạn 2026-2030 ưu tiên nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống kho, cảng, tuyến ống và cơ sở phân phối xăng dầu, khí đốt, gắn với các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu công nghệ số tập trung và hệ thống cảng biển; tổ chức không gian hạ tầng năng lượng phù hợp đặc thù đô thị sân bay, bảo đảm khoảng cách an toàn và hạn chế tác

động đến môi trường, khu dân cư.

- Phát triển có chọn lọc hạ tầng kho dự trữ, trung chuyển LPG và LNG tại các khu vực cảng biển, khu kinh tế, khu công nghiệp, đáp ứng yêu cầu phòng cháy chữa cháy, ứng phó sự cố và thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường ứng dụng công nghệ trong quản lý, giám sát an toàn và kiểm soát môi trường.

(Chi tiết tại Phụ lục XIII)

4. Phương án phát triển hạ tầng số, hạ tầng viễn thông thụ động và hạ tầng báo chí, phát thanh truyền hình

a) Phát triển hạ tầng số

- Phát triển hạ tầng số của tỉnh Đồng Nai theo hướng hiện đại, đồng bộ, rộng khắp, an toàn và bền vững, gắn chặt với không gian phát triển kinh tế – xã hội, bảo đảm liên thông từ Trung ương đến địa phương, giữa đô thị và nông thôn, vùng sâu, vùng xa, khu vực biên giới; ưu tiên khu công nghệ số tập trung, khu đổi mới sáng tạo, khu công nghiệp, khu logistics, cảng hàng không quốc tế Long Thành, hành lang kinh tế – công nghiệp – đô thị.

- Ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong mọi lĩnh vực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, đảm bảo quốc phòng an ninh; phát triển nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu. Đến năm 2030, Đồng Nai nằm trong nhóm những địa phương dẫn đầu về chuyển đổi số trong cả nước.

- Phát triển ngành công nghiệp công nghệ số, hình thành khu công nghệ số tập trung tạo sự liên kết trong chuỗi công nghệ và sản xuất các sản phẩm công nghệ số. Xây dựng hạ tầng số điều hành các đô thị; khu công nghiệp, khu công nghệ số tập trung.

b) Phát triển hạ tầng viễn thông thụ động

- Đẩy mạnh chuyển dịch từ hạ tầng viễn thông thụ động truyền thống sang hạ tầng số, dịch vụ bưu chính truyền thống sang bưu chính số nhằm phục vụ thương mại điện tử và dịch vụ công ích, lấy dữ liệu làm tài nguyên, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ; bảo đảm tiếp cận thông tin và dịch vụ bình đẳng cho mọi người dân, đặc biệt là khu vực nông thôn, đồng bào dân tộc thiểu số.

- Định hướng các vị trí xây dựng hạ tầng viễn thông thụ động dùng chung đảm bảo phát triển hạ tầng mạng, đáp ứng được nhiều ứng dụng tại các khu vực đất hạ tầng kỹ thuật, hành lang đường bộ. Từng bước ngầm hoá hạ tầng viễn thông tăng cường sử dụng hạ tầng dùng chung, đảm bảo an toàn, mỹ quan đô thị. Xây dựng, nâng cấp và phát triển mới cơ sở hạ tầng viễn thông băng rộng đảm bảo hiện đại, an toàn, dung lượng lớn, tốc độ cao, vùng phủ dịch vụ khắp toàn tỉnh phục vụ chuyển đổi số, kinh tế số, chính quyền số.

- Phát triển hạ tầng mạng 5G, hướng tới 6G; định hướng bố trí trạm BTS tại các khu vực đô thị nông thôn đảm bảo không còn khu vực lùm sóng.

c) Báo chí, phát thanh truyền hình

Đẩy mạnh chuyển đổi số, đổi mới toàn diện lĩnh vực báo chí, phát thanh truyền hình, hình thành các nền tảng số đa phương tiện trên môi trường mạng. Sử dụng các nền tảng công nghệ số đảm bảo người dân tiếp cận nhanh chóng và đầy đủ thông tin.

Chú trọng phát triển các loại hình thông tin điện tử, tăng cường quản lý trên nền tảng số.

5. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước, thoát nước

a) Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi

- Đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp, phát triển hạ tầng thủy lợi theo hướng phục vụ đa mục tiêu, bảo đảm nhu cầu tưới, cấp nước, tiêu thoát nước phục vụ dân sinh, sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, công nghiệp, du lịch và các ngành kinh tế khác, nâng cao năng lực phòng, chống, giảm thiệt hại do thiên tai, góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững, bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh nguồn nước, thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, tập trung đảm bảo an ninh nguồn nước, cấp nước tưới chủ động cho nông nghiệp với tần suất cho từng loại cây trồng, kết hợp các giải pháp tưới tiết kiệm nước. Đầu tư hiện đại hóa công tác quản lý các công trình thủy lợi, đảm bảo an toàn đập, hồ trong mùa mưa lũ.

- Quản lý nguồn nước theo 7 khu vực lưu vực sông.

(Chi tiết tại Phụ lục XIV)

b) Phương án phát triển mạng lưới cấp nước

- Phát triển các nhà máy nước và mạng lưới truyền tải, cấp nước, cung cấp nước đầy đủ, bảo đảm chất lượng cho các hoạt động dịch vụ, sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và sinh hoạt tại đô thị và nông thôn; thực hiện duy trì, bảo vệ các công trình hồ chứa nước, bảo đảm năng lực cấp nước.

- Ưu tiên đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước tập trung quy mô liên đô thị, liên xã và gắn với xây dựng nông thôn mới.

(Chi tiết tại Phụ lục XV)

c) Phương án phát triển hệ thống thoát nước, xử lý nước thải

- Thực hiện theo các quy hoạch đô thị, nông thôn; hoàn thiện hệ thống thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải; từng bước triển khai xây dựng hệ thống khung hạ tầng kỹ thuật thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải khu vực đô thị.

- Các nguồn nước thải sinh hoạt, nước thải từ sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, nước thải y tế, nước thải nguy hại,... phải được thu gom, xử lý đảm bảo tiêu chuẩn trước khi xả ra môi trường.

(Chi tiết tại Phụ lục XVI)

6. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải, nghĩa trang

a) Khu xử lý chất thải tập trung

- Định hướng hình thành đồng bộ hệ thống các khu xử lý chất thải tập trung có quy mô công suất và công nghệ xử lý phù hợp, đáp ứng yêu cầu tiếp nhận, xử lý các chủng loại, lượng chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trên phạm vi toàn tỉnh. Hạn chế tối đa lượng chất thải xử lý bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp. Thực hiện phân loại chất thải tại nguồn phù hợp với công nghệ xử lý, thúc đẩy các hoạt động tái chế, tái sử dụng chất thải và thu hút đầu tư từ khu vực tư nhân, nước ngoài vào hoạt động tái chế, xử lý chất thải.

b) Khu nghĩa trang

Đầu tư các khu nghĩa trang tập trung theo phân vùng chức năng hoặc liên phường, xã được xác định trong quy hoạch chung đô thị và nông thôn, kết hợp cơ sở hỏa táng đồng bộ, đảm bảo cảnh quan, vệ sinh môi trường theo quy định; thực hiện không chế quy mô chôn mới, tiến tới đóng cửa, di dời các nghĩa trang nằm trong khu vực dân cư nội thị để thực hiện theo quy hoạch đô thị và nông thôn của địa phương; khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng. Ưu tiên xây dựng các nhà tang lễ theo tiêu chí loại đô thị.

(Chi tiết tại Phụ lục XVIII)

VIII. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG XÃ HỘI**1. Phương án phát triển nhà ở**

- Hình thành các Khu đô thị văn minh, hiện đại, nhất là tại các khu vực đô thị sân bay Long Thành, đô thị Nhơn Trạch, đô thị Đồng Xoài và các Khu đô thị sinh thái ven sông. Phát triển nhà ở theo chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở trong từng giai đoạn của tỉnh Đồng Nai được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, đảm bảo đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.

- Phát triển đa dạng hóa các loại nhà ở như nhà ở riêng lẻ, nhà ở chung cư; nhà ở thương mại, nhà ở tái định cư, nhà ở xã hội theo mô hình khu đô thị đầy đủ tiện ích phục vụ nhân dân, đảm bảo nhà ở có khả năng chi trả cho các tầng lớp và nhóm dân cư, trong đó ưu tiên phát triển nhà ở chung cư cao tầng có hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại, đầy đủ các dịch vụ công cộng tiện ích, mật độ xây dựng thấp và tạo môi trường sống chất lượng cao.

- Phát triển nhà ở đô thị gắn với mô hình phát triển đô thị TOD, bao gồm nhà ở xã hội và nhà ở phù hợp khả năng chi trả.

(Chi tiết tại Phụ lục XIX)

2. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng y tế, chăm sóc sức khỏe

- Xây dựng, phát triển hệ thống y tế và công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân tỉnh Đồng Nai theo hướng công bằng, hiện đại và chất lượng. Chuyển từ tư duy tập trung khám bệnh, chữa bệnh sang chủ động phòng bệnh, chú trọng bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe toàn diện, liên tục.

- Xây dựng phát triển nguồn nhân lực y tế chất lượng, cân đối, đủ phẩm chất đạo đức, năng lực, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Đầu tư, cải tạo xây dựng đồng bộ, hiện đại mạng lưới các công trình y tế và chăm sóc sức khỏe, như: mạng lưới khám chữa bệnh; y tế công cộng; y tế dự phòng; trung tâm kiểm soát bệnh tật, trung tâm kiểm định, giám định y khoa; dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, dịch vụ chăm sóc người cao tuổi, dưỡng lão, y tế kết hợp du lịch nghỉ dưỡng.

- Khuyến khích, thu hút đầu tư y tế ngoài công lập, đặc biệt các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa, trung tâm y tế hiện đại, chất lượng cao, các cơ sở chăm sóc sức

khỏe tại xã, phường và các mô hình hoạt động không vì lợi nhuận.

(Chi tiết tại Phụ lục XX)

3. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng giáo dục và đào tạo

- Đến năm 2030, khu vực phía Nam tỉnh Đồng Nai từng bước hình thành trung tâm giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp cấp vùng, phía Bắc tỉnh phát triển hệ thống giáo dục gắn với nhu cầu công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, vùng sâu, vùng xa, khu vực biên giới tạo nền tảng hướng tới hình thành các cơ sở giáo dục chất lượng cao giai đoạn sau năm 2030 -2050.

- Xây dựng mới, nâng cấp hệ thống trường các cấp bảo đảm đạt chuẩn cơ sở vật chất theo quy định; phân bố mạng lưới trường học phù hợp với quy mô dân số và diện tích tự nhiên của từng địa phương.

- Giáo dục mầm non và phổ thông: Rà soát, sắp xếp, sáp nhập số lượng trường mầm non trong một địa phương; hình thành trường phổ thông ở các cấp học có chất lượng cao; khuyến khích thành lập các cơ sở ngoài công lập có cơ sở vật chất hiện đại, đặc biệt ở khu vực tập trung đông dân cư, khu công nghiệp. Phát triển thêm mạng lưới trung học phổ thông ở các khu vực có dân số tăng trưởng nhanh, tập trung đông; khắc phục triệt để tình trạng quá tải ở các cơ sở giáo dục các cấp. Quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, thu hút đội ngũ giáo viên cho các trường học ở vùng sâu, vùng xa, khu vực biên giới. Chú trọng phát triển hệ thống các trung tâm giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục chuyên biệt và trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập. Chuyển đổi mô hình hoạt động của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên phù hợp với chủ trương của cấp có thẩm quyền.

- Giáo dục nghề nghiệp: Xây dựng phát triển các cơ sở giáo dục nghề đảm bảo cả số lượng và chất lượng, hướng tới đạt chuẩn khu vực, đáp ứng nguồn nhân lực cho các ngành công nghiệp mũi nhọn của tỉnh. Thành lập trường trung học nghề trên cơ sở sắp xếp, nâng cấp các trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên khi có đủ điều kiện và theo chủ trương của cấp có thẩm quyền.

- Giáo dục đại học: Mở rộng, phát triển cơ sở vật chất Trường Đại học Đồng Nai. Đẩy nhanh việc thành lập và đầu tư xây dựng Phân hiệu Trường Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh, đảm bảo phù hợp với Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sự phạm thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Hình thành khu giáo dục Đại học tại đô thị sân bay Long Thành, đô thị Long Khánh, đô thị Nhơn Trạch và đô thị Đồng Xoài. Xây dựng các trung tâm giáo dục đại học gắn với hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, đào tạo và giữ chân nguồn nhân lực cao, tầng lớp sáng tạo.

(Chi tiết tại Phụ lục XXI)

4. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng văn hóa, thể thao, du lịch

- Đầu tư xây dựng mới và nâng cấp các thiết chế văn hóa, thể thao cấp tỉnh đáp ứng nhu cầu phát triển trong tình hình mới, trong đó xây dựng các công trình văn hóa, thể thao quy mô lớn, hiện đại như: Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh, nhà hát lớn, thư viện, bảo tàng, nhà hát nghệ thuật, khu phức hợp thể thao, sân vận động, ... đủ điều kiện tổ chức các chương trình biểu diễn văn hóa nghệ thuật, các giải thể thao cấp quốc gia và quốc tế, gắn với hoạt động du lịch và hỗ trợ du lịch. Đưa Đồng Nai trở thành

tỉnh trong nhóm 10 địa phương có hoạt động văn hóa thể thao và thành tích tốt của cả nước.

- Đầu tư xây dựng và nâng cấp các thiết chế văn hóa, thể thao cấp xã, nhà văn hóa - khu thể thao ấp, khu phố đạt chuẩn theo quy định. Đầu tư hạ tầng đảm bảo tích hợp kết nối, liên thông, chia sẻ cơ sở dữ liệu, trao đổi tài nguyên thông tin số của các thư viện xã, liên xã với thư viện cấp tỉnh và các thư viện trên toàn quốc. Thực hiện các dự án trùng tu, tôn tạo các công trình, di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng văn hóa, con người Đồng Nai phát triển toàn diện, đa dạng, bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa (vật thể và phi vật thể) của cộng đồng các dân tộc trong tỉnh, tạo ra nhiều sản phẩm văn hóa, sản phẩm du lịch đặc trưng.

- Phát triển công nghiệp văn hóa, phát triển các sản phẩm, dịch vụ văn hóa, thể thao và sản phẩm du lịch có chất lượng cao, gắn với tăng cường hợp tác, liên kết với các tỉnh trong khu vực, các nước láng giềng và quốc tế.

- Phát triển du lịch bền vững gắn với bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và phát huy các giá trị từ rừng, phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, phát triển đồng thời cả du lịch nội địa và quốc tế.

- Đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật, nguồn nhân lực ngành du lịch; tập trung nguồn lực đầu tư hạ tầng và tăng cường kết nối các khu, điểm du lịch. Khuyến khích, kêu gọi các tập đoàn, doanh nghiệp đầu tư vào các khu vực du lịch trọng điểm như: Hồ Trị An; Hồ Thác Mơ; Núi Bà Rá; núi Chúa Chan - Hồ Núi Le; Thác Mai – Bàu Nước Sôi; khu vực Vườn Quốc gia Cát Tiên, Vườn Quốc gia Bù Gia Mập, Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai và hệ thống rừng phòng hộ trên toàn tỉnh; các điểm đến vui chơi giải trí, khu nghỉ dưỡng cao cấp phù hợp với nhu cầu của thị trường và xu hướng du lịch mới.

(Chi tiết tại Phụ lục XXII)

5. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng thương mại dịch vụ

- Phát triển hệ thống hạ tầng thương mại đồng bộ, hiện đại, kết nối thương mại giữa các địa phương trong tỉnh và Vùng Đông Nam Bộ, phát triển hạ tầng thương mại biên giới, đưa thương mại thành ngành dịch vụ quan trọng của tỉnh. Xây dựng trung tâm hội chợ triển lãm tại Đồng Nai để cùng với các trung tâm tại Thành phố Hồ Chí Minh tạo thành tổ hợp triển lãm cấp quốc gia, quốc tế.

- Hoàn thiện, cải tạo hệ thống chợ đầu mối và chợ truyền thống. Phát triển mạng lưới hạ tầng thương mại hiện đại, bao gồm các siêu thị và trung tâm thương mại, cửa hàng tiện lợi dần thay thế chợ truyền thống tại các khu vực đô thị; phát triển trung tâm thương mại quốc tế lớn tại khu vực đô thị sân bay Long Thành, phát triển trung tâm và các hoạt động thương mại tại các cửa khẩu. Hoàn thiện hệ thống dịch vụ xuất nhập khẩu đồng bộ hiện đại, kết nối với các cảng biển và Cảng hàng không quốc tế Long Thành và khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư. Khuyến khích thu hút đầu tư, xã hội hóa để phát triển trung tâm logistics, trung tâm đầu mối, trung tâm thương mại, siêu thị, chợ đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế của tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục XXIII)

6. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng trợ giúp và an sinh xã hội

- Phát triển mạng lưới cơ sở bảo trợ xã hội của tỉnh bảo đảm đủ năng lực, quy mô đáp ứng nhu cầu tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ công về trợ giúp xã hội.
- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho các cơ sở bảo trợ xã hội trong tỉnh, đảm bảo cung cấp dịch vụ công trợ giúp xã hội theo tiêu chuẩn quốc gia, từng bước tiếp cận tiêu chuẩn quốc tế theo đặc thù từng nhóm đối tượng.
- Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị của các trung tâm nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công theo quy định.

(Chi tiết tại Phụ lục XXIV)

7. Phương án phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trở thành động lực then chốt nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế tỉnh Đồng Nai, gắn với quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo chiều sâu, phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, dịch vụ logistics và kinh tế tri thức. Đưa Đồng Nai trở thành trung tâm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp vùng.
- Triển khai xây dựng khối nhà làm việc cho Trung tâm Khoa học và Công nghệ, Trung tâm Đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số nhằm góp phần quan trọng trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học - công nghệ, ứng dụng vào sản xuất.
- Báo cáo cấp có thẩm quyền cho phép chuyển đổi Khu công nghệ cao công nghệ sinh học Đồng Nai thành Khu công nghệ cao Đồng Nai để tập trung thu hút các dự án công nghệ cao, công nghệ thân thiện môi trường, dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.
- Nghiên cứu thành lập Trung tâm Robot công nghiệp tỉnh Đồng Nai, đẩy mạnh công tác nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và các hoạt động đổi mới sáng tạo, đào tạo kỹ thuật, nghiên cứu phát triển trong lĩnh vực robot công nghiệp và tự động hóa.
- Đầu tư cho nghiên cứu khoa học, các trung tâm R&D và ứng dụng công nghệ, xây dựng hệ sinh thái nghiên cứu khoa học - đổi mới sáng tạo - giáo dục đại học, gắn kết doanh nghiệp - nhà nước - viện trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

8. Phương án xác định khu quân sự, an ninh, phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ

- Việc bố trí xây dựng các công trình quốc phòng trên địa bàn được thực hiện theo bản đồ xác định các khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng của Bộ Quốc phòng phê duyệt.
- Việc bố trí xây dựng các công trình an ninh trên địa bàn được thực hiện theo các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Bố trí các công trình hạ tầng phòng cháy chữa cháy tại trung tâm các xã/phường, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và địa bàn trọng điểm có nguy cơ về cháy nổ, đảm bảo thuận tiện về giao thông, nguồn nước, thông tin liên lạc theo quy định, phù hợp với Quy hoạch hạ tầng phòng cháy và chữa cháy thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

(Chi tiết tại Phụ lục XXV)

IX. ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT

Xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, địa phương, phù hợp với tiềm năng đất đai của địa phương; phát huy hiệu quả nguồn lực đất đai để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; đáp ứng yêu cầu phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, bảo đảm kết nối không gian phát triển liên ngành, liên vùng, các hành lang kinh tế và các vùng động lực phát triển; quỹ đất đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục, y tế, xã hội, văn hóa, thể dục, thể thao, tái định cư và nhà ở xã hội.

(Chi tiết tại Phụ lục XXVI)

X. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, KHAI THÁC, SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN, ĐA DẠNG SINH HỌC, PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

a) Phương án phân vùng môi trường

- Vùng bảo vệ nghiêm ngặt bao gồm các khu vực: nội thành, nội thị của các đô thị loại I, II, III theo quy định pháp luật về phân loại đô thị (thực hiện phân vùng môi trường theo từng giai đoạn quy hoạch đô thị); nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định pháp luật về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh; các khu bảo tồn thiên nhiên: khu bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai, Vườn quốc gia Bù Gia Mập, phần diện tích Vườn Quốc gia Cát Tiên thuộc tỉnh Đồng Nai; khu Ramsar Bàu Sấu, Ramsar Bắc Đồng Nai, khu bảo tồn loài và sinh cảnh Núi Chứa Chan, khu bảo tồn loài và sinh cảnh Nhơn Trạch - Long Thành, khu bảo vệ cảnh quan Tân Phú, khu di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh núi Bà Rá; các khu bảo tồn thiên nhiên, vùng lõi di sản thiên nhiên được xác định trong kỳ quy hoạch; khu vực bảo vệ 1 của các di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn đã được các cơ quan thẩm quyền công nhận và được xác định trong kỳ quy hoạch.

- Vùng hạn chế phát thải bao gồm: vùng đệm của các vùng bảo vệ nghiêm ngặt nêu trên; vùng đất ngập nước quan trọng hồ Thác Mơ, vùng đất ngập nước quan trọng hồ Phước Hòa, vùng đất ngập nước quan trọng của sông Đồng Nai (khu vực Nhơn Trạch, Long Thành, tỉnh Đồng Nai), vùng đất ngập nước quan trọng hồ Dầu Tiếng khu vực xã Minh Đức (huyện Hớn Quản cũ) và các vùng đất ngập nước quan trọng được xác định theo quy hoạch; hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; khu vui chơi giải trí dưới nước theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường dễ bị tổn thương trước các tác động ô nhiễm môi trường khác cần bảo vệ.

- Vùng khác: Là các vùng không gian còn lại của tỉnh ngoài vùng bảo vệ môi trường nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải.

- Cơ quan có thẩm quyền ban hành Quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý; rà soát, cập nhật đảm bảo phù hợp với các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

(Chi tiết tại Phụ lục XXVII)

b) Phương án bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh

- Tăng cường bảo vệ môi trường thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học kết hợp với sử dụng bền vững, phát huy giá trị Khu Dự trữ sinh quyển Đồng Nai, Vườn Quốc gia Cát Tiên, Khu bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai, Khu bảo tồn cảnh quan Tân Phú, Khu bảo tồn Loài và Sinh cảnh núi Chứa Chan, Khu bảo tồn Loài và Sinh cảnh Nhơn Trạch - Long Thành, Vườn quốc gia Bù Gia Mập, Khu bảo vệ cảnh quan Núi Bà Rá.

- Quy hoạch và gìn giữ các vùng ngập nước quan trọng như Hồ Thác Mơ, Hồ Phước Hòa, Ramsar Bàu Sấu, Ramsar Bắc Đồng Nai, cửa sông Đồng Nai.

- Thiết lập và kết nối các hành lang đa dạng sinh học và các khu vực đa dạng sinh học cao, các khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng như Hành lang Cát Tiên - Cát Lộc; Hành lang sông Đồng Nai; Khu đa dạng sinh học cao Nhơn Trạch; khu cảnh quan sinh thái quan trọng Đồng Nai; duy trì và bảo vệ các cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học; bảo vệ các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng, bảo vệ nơi cư trú tự nhiên của các loài sinh vật, đặc biệt là các loài nguy cấp, bị đe dọa được ưu tiên bảo tồn; bảo tồn, phát triển nguồn gen; đánh giá, phát huy lợi ích của đa dạng sinh học phục vụ phát triển bền vững.

(Chi tiết tại Phụ lục XXVIII)

c) Về quan trắc chất lượng môi trường

Xây dựng mạng lưới quan trắc môi trường cấp tỉnh có tính liên kết chặt chẽ với mạng lưới quan trắc môi trường cấp quốc gia, tập trung quan trắc đối với các thành phần môi trường chính gồm: nước mặt, không khí xung quanh, đất và nước dưới đất, ..., cụ thể:

- Mạng lưới quan trắc nước mặt: Thực hiện quan trắc định kỳ tại 252 vị trí và quan trắc tự động tại 22 vị trí.

- Mạng lưới quan trắc nước dưới đất: Thực hiện quan trắc định kỳ tại 168 công trình, gồm: 156 công trình đang triển khai và 12 công trình dự kiến đầu tư trong thời gian tới .

- Mạng lưới quan trắc môi trường không khí: Thực hiện quan trắc định kỳ tại 240 vị trí và quan trắc tự động tại 11 vị trí.

- Mạng lưới quan trắc môi trường đất: Thực hiện quan trắc tại 210 vị trí.

- Mạng lưới quan trắc trầm tích: Thực hiện tại 56 vị trí gồm các khu vực các sông, suối, rạch, hồ thuộc các tiểu lưu vực.

- Mạng lưới quan trắc dòng chảy: thực hiện tại 29 vị trí được thiết lập tại khu vực các sông, suối thuộc các tiểu lưu vực.

d) Phương án phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất và phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp

- Bảo vệ và phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất; nâng cao chất lượng rừng; bảo tồn phát huy giá trị nguồn gen và đa dạng sinh học; phát triển du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng; giảm thiểu tác hại do thiên tai; cải thiện môi trường giảm phát thải, tăng hấp thụ cacbon và quản lý bền vững tài nguyên rừng (RESS+) cung ứng dịch vụ môi trường rừng, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Tăng cường huy động nguồn lực để phát triển, bảo vệ, quản lý rừng bền vững, phát triển sinh kế của cộng đồng phụ thuộc vào rừng, bảo đảm đa dạng sinh học. Ứng dụng công nghệ thông tin, viễn thám vào quản lý rừng; xây dựng, duy tu và nâng cấp kết cấu hạ tầng lâm nghiệp đáp ứng yêu cầu bảo vệ và phát triển rừng.

2. Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản

- Bảo vệ, quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên khoáng sản đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, không làm ảnh hưởng môi trường sinh thái, các danh lam, thắng cảnh và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Phương án bảo đảm phù hợp với quy hoạch của Quốc gia và các quy hoạch khác có liên quan. Tiếp tục thực hiện các dự án thăm dò, khai thác khoáng sản đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các quy hoạch còn hiệu lực trong giai đoạn trước. Các khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh thực hiện theo các Quyết định được phê duyệt và theo quy định; tăng cường công tác khảo sát, đánh giá chất lượng, trữ lượng khoáng sản; Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn.

(Chi tiết tại Phụ lục XXIX)

3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

a) Phân bổ tài nguyên nước và phân vùng chức năng nguồn nước

Phân bổ nguồn nước theo thứ tự ưu tiên: Nước cấp cho sinh hoạt, sản xuất công nghiệp, sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản; giao thông thủy, thủy điện; tôn giáo, tín ngưỡng, bảo tồn văn hóa, thể thao, du lịch và các chức năng khác của nguồn nước. Trong điều kiện bình thường: nguồn nước đủ đáp ứng phân bổ bảo đảm 100% nhu cầu sử dụng nước; ưu tiên cấp nước cho sinh hoạt, các ngành sản xuất có hiệu quả kinh tế cao; trong điều kiện khô hạn, thiếu nước xảy ra: nguồn nước được phân bổ đáp ứng 100% nhu cầu sử dụng nước cho sinh hoạt, an sinh xã hội; lượng nước còn lại sẽ được phân bổ cho các mục đích sử dụng còn lại theo tỷ lệ phù hợp theo phân vùng chức năng nguồn nước.

b) Phương án khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước

Khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên nước mặt và nước dưới đất; tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên nước; xây dựng công trình đập, hồ chứa, công trình điều tiết, tích trữ nước, phát triển nguồn nước theo quy hoạch thủy lợi. Tăng cường hoạt động giám sát, quan trắc tài nguyên nước. Xây dựng vận hành, tích hợp hệ thống thông tin dữ liệu tài nguyên nước của địa phương với Trung ương, nâng cao chất lượng công tác dự báo, cảnh báo tài nguyên nước.

c) Phương án phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

Tăng cường trồng và bảo vệ, quản lý rừng nhất là rừng đầu nguồn trong đó đặc biệt tập trung quan tâm bảo vệ vùng dự trữ sinh quyển thế giới trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát tình hình ngập lụt, sạt lở; đầu tư tu bổ, nâng

cấp các công trình hồ đập, đảm bảo tần suất chống lũ thiết kế và vận hành an toàn theo quy trình vận hành liên hồ và các hồ chứa trên lưu vực sông; kiểm soát ô nhiễm nhằm đảm bảo nguồn cấp nước, chống suy thoái cạn kiệt nguồn nước; đảm bảo khơi thông dòng chảy, duy trì lượng nước đầy mặn nhằm kiểm soát xâm nhập mặn ở hạ lưu sông Đồng Nai.

d) Nguồn nước dự phòng cấp cho sinh hoạt

Căn cứ đặc điểm về chất lượng nguồn nước, trữ lượng đối với nước dưới đất và tổng lượng đối với nước mặt và hiện trạng công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước; nguồn cấp nước dự phòng chính gồm nguồn nước mặt từ các hồ chứa và nguồn nước dưới đất hiện có từ các công trình cấp nước sạch tập trung của các đơn vị sản xuất, kinh doanh nước sạch; các công trình cấp nước sạch nông thôn và các công trình điều tiết, phát triển nguồn nước; ưu tiên nguồn cấp nước tại chỗ đáp ứng nhu cầu về số lượng và chất lượng để cấp nước cho sinh hoạt.

(Chi tiết tại Phụ lục XXX)

4. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

Chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm tổn thất về người, tài sản của nhân dân và nhà nước; từng bước góp phần xây dựng quốc gia có khả năng quản lý rủi ro thiên tai; cộng đồng, xã hội an toàn trước thiên tai; tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng.

(Chi tiết tại Phụ lục XXXI)

XI. GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp về huy động vốn đầu tư

a) Các giải pháp thu hút vốn đầu tư

- Vốn từ ngân sách:

+ Nguồn vốn từ Ngân sách (Trung ương và tỉnh) có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc định hình cơ cấu kinh tế và không gian phát triển đô thị, tập trung đầu tư cho các dự án hạ tầng trọng yếu bao gồm cảng hàng không, đường sắt, đường cao tốc, cảng biển, hạ tầng thông tin, hạ tầng truyền tải điện, cấp và thoát nước, hệ thống kết cấu hạ tầng xã hội,...đóng vai trò dẫn dắt, thu hút các nguồn vốn khác cùng đầu tư phát triển.

+ Chủ động phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành Trung ương và các địa phương liên quan nhằm bảo đảm các dự án trong quy hoạch được triển khai đúng tiến độ, chất lượng phục vụ phát triển. Nghiên cứu phát hành trái phiếu chính quyền tỉnh, vay từ các tổ chức tài chính trong nước và quốc tế. Khai thác hiệu quả các nguồn vốn từ tài nguyên, đất đai.

- Vốn từ khu vực đầu tư nước ngoài: Thu hút các nhà đầu tư chiến lược có tiềm lực mạnh về tài chính và khoa học công nghệ như Mỹ, Liên minh Châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Trung Quốc và các quốc gia Tây Á. Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư và thương mại, cung cấp thông tin đến các nhà đầu tư nước ngoài về quy hoạch và các định hướng phát triển của tỉnh, nhất là thông qua kênh các nhà đầu tư hiện hữu đã đầu tư tại Đồng Nai.

- Vốn từ khu vực trong nước

+ Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tư nhân trong nước đầu tư phát triển kinh tế - xã hội tỉnh. Xây dựng đội ngũ các nhà đầu tư chiến lược Việt Nam đối với các lĩnh vực kinh tế trụ cột của tỉnh, nhất là công nghiệp công nghệ cao, kinh tế số và các ngành kinh tế cửa khẩu.

+ Khuyến khích các doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia đầu tư các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, dịch vụ phù hợp với quy mô, năng lực và khả năng tài chính.

- Đẩy mạnh thu hút vốn theo hình thức hợp tác công tư (PPP), nhất là đối với các dự án phát triển kết cấu hạ tầng. Thực hiện tái cơ cấu đầu tư, xây dựng hồ sơ các dự án có tiềm năng thu hút theo hình thức PPP làm cơ sở để thu hút các nguồn lực đầu tư ngoài ngân sách theo phương châm “lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư nhân”.

b) Các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư

- Đối với vốn đầu tư từ ngân sách: Đảm bảo đủ vốn và đúng tiến độ cho các dự án, bao gồm cả dự án phát triển hạ tầng chiến lược như giao thông kết nối liên vùng, kết nối đến hàng rào khu, cụm công nghiệp, cảng biển, hàng không, hạ tầng khu thương mại tự do, khu kinh tế chuyên biệt, khu, cụm công nghiệp... và các dự án thuộc lĩnh vực khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo, giáo dục - đào tạo,...

- Đối với vốn đầu tư xã hội:

+ Chính quyền tỉnh chủ động rà soát pháp lý của từng dự án đầu tư đảm bảo đủ điều kiện mới thực hiện mời gọi đầu tư, tạo môi trường thuận lợi để các nhà đầu tư dễ dàng tiếp cận với các yếu tố khởi động dự án đầu tư: đất đai, cấp điện, nước... và các quy định pháp lý, thủ tục đầu tư...

+ Hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư nghiên cứu, tìm hiểu khả năng đầu tư trên địa bàn, thực sự “đồng hành cùng doanh nghiệp”.

+ Khuyến khích mạnh mẽ các nhà đầu tư tư nhân trong và ngoài nước tham gia đầu tư kinh doanh, đặc biệt trong các lĩnh vực mà tỉnh ưu tiên (xây dựng hạ tầng các khu công nghiệp, các cảng, kho tàng, bến bãi, kết cấu hạ tầng giao thông, hạ tầng số, các khu đô thị, phát triển du lịch, nông nghiệp sạch, nông nghiệp công nghệ cao...).

+ Khuyến khích huy động các nguồn vốn xã hội xây dựng các công trình đô thị, nhà ở xã hội, công trình văn hóa, xã hội và xây dựng nông thôn mới hiện đại.

2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

- Tập trung phát triển nhân lực cho các lĩnh vực trọng yếu như: (1) Công nghệ thông tin, công nghiệp công nghệ cao, trong đó ưu tiên các lĩnh vực tự động hóa, điện – điện tử, cơ khí chính xác, sản xuất thông minh và công nghiệp hỗ trợ; (2) Dịch vụ Logistic và các ngành kinh tế hàng không hiện đại.

- Tăng cường công tác thông tin, dự báo về cung - cầu lao động. Quan tâm thực hiện tốt công tác đào tạo nghề và giới thiệu việc làm cho người lao động. Tăng cường liên kết giữa Nhà trường – Đại học (hoặc Viện nghiên cứu) – doanh nghiệp trong tổ chức đào tạo nhân lực tạo thành hệ sinh thái đào tạo nhân lực theo nhu cầu thị trường.

- Thu hút lực lượng lao động từ ngoài tỉnh để đáp ứng nhu cầu, nhất là các ngành

dịch vụ vận tải, logistics, thương mại du lịch... Xây dựng tổ hợp giáo dục đào tạo tỉnh Đồng Nai tại khu đô thị sân bay Long Thành, tận dụng khả năng kết nối với các khu công nghiệp nhằm đón đầu nhu cầu về nguồn lao động.

- Ban hành các chính sách cụ thể để thu hút chuyên gia, nhà khoa học, nhân lực chất lượng cao tới sinh sống và làm việc tại Đồng Nai. Đào tạo và nâng cao năng lực thường xuyên với các cán bộ quản lý nhà nước.

- Phát triển ngành kinh tế bạc, đồng thời khuyến khích những người cao tuổi còn sức khỏe, có kinh nghiệm tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội.

3. Giải pháp về nguồn lực đất đai

Khai thác hiệu quả tài nguyên đất đai, thí điểm một số công cụ nắm bắt giá trị tăng thêm của đất để tạo nguồn lực phát triển hạ tầng đô thị.

Tạo quỹ đất sạch để kêu gọi đầu tư, trong đó ưu tiên các dự án công ích và các dự án có ảnh hưởng tích cực tới kinh tế - xã hội – môi trường của tỉnh.

Phát triển quỹ đất gắn với trục giao thông chiến lược, khu vực TOD, khu công nghiệp – logistics... bảo đảm khai thác giá trị gia tăng của đất đai đồng bộ với đầu tư hạ tầng.

4. Giải pháp về khoa học, công nghệ và môi trường

a) Giải pháp về khoa học - công nghệ

- Tăng cường đầu tư phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ, đảm bảo nguồn lực chi đối với lĩnh vực sự nghiệp khoa học và công nghệ và đổi mới hạ tầng khoa học và công nghệ. Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu triển khai (R&D), trong đó chú trọng nghiên cứu ứng dụng và thương mại hóa các kết quả khoa học và công nghệ.

- Triển khai quy hoạch và xây dựng khu đổi mới sáng tạo, xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh theo hướng phát triển toàn diện. Tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ. Tạo điều kiện cho các trường đại học, các đơn vị hoạt động khoa học và công nghệ đẩy mạnh liên kết, hợp tác trong nước và quốc tế về khoa học và công nghệ. Tăng cường đầu tư tài chính phát triển khoa học công nghệ, ưu tiên ngân sách cho nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ và hạ tầng khoa học – công nghệ. Phát triển các quỹ đổi mới sáng tạo, quỹ đầu tư mạo hiểm; từng bước triển khai cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox)

- Thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh theo Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2030. Hình thành sàn giao dịch công nghệ của tỉnh, kết nối với các sàn giao dịch công nghệ trong khu vực và quốc tế. Khuyến khích, thúc đẩy phát triển các tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ, trong đó đẩy mạnh phát triển các tổ chức môi giới, tư vấn, xúc tiến chuyển giao công nghệ.

b) Giải pháp bảo vệ môi trường

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; các dự án xây dựng khu công nghiệp, cụm công nghiệp yêu cầu phải hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải tập trung mới được tiếp nhận doanh nghiệp thứ cấp vào đầu tư hoạt động.

- Kiểm soát tốt nguồn phát thải khí nhà kính lớn trên địa bàn tỉnh. Thực hiện kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính của các lĩnh vực theo lộ trình đạt phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050. Thực hiện nghiêm quy định về kiểm kê khí nhà kính và giảm phát thải khí nhà kính đối với các cơ sở, doanh nghiệp. Xây dựng Chương trình giảm thiểu khí cac-bon trên địa bàn tỉnh và triển khai thực hiện.

- Nâng cao nhận thức, hiểu biết về kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, kinh tế các-bon thấp; khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện các tiêu chuẩn, cam kết tự nguyện về môi trường. Nâng cao nhận thức tạo sự thống nhất cao về thực hiện các cam kết ứng phó với biến đổi khí hậu; hướng dẫn các cơ sở triển khai thực hiện các quy định về giảm phát thải khí nhà kính, thích ứng với biến đổi khí hậu.

5. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

- Đề xuất ban hành Nghị quyết của Quốc hội thí điểm các cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Đồng Nai, trong đó tập trung các nội dung huy động nguồn lực và triển khai quy hoạch, kế hoạch, đầu tư, đất đai, giao thông, đô thị và các dự án trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Tăng cường hợp tác, liên doanh, liên kết với các tỉnh, thành phố khác trên cơ sở phát huy thế mạnh đặc thù của nhau để cùng phát triển trên một số lĩnh vực như: phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; xúc tiến thương mại và đầu tư; nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; xây dựng các chương trình, tuyến du lịch liên tỉnh, liên vùng; phát triển nhân lực, bao gồm đào tạo và sử dụng lao động; phát triển ngành y tế, khám chữa bệnh và nghiên cứu y học; phát triển công nghiệp (cung cấp nguyên liệu, xây dựng các khu, cụm công nghiệp...); cung cấp thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu kinh tế - xã hội cho vùng phục vụ cho công tác dự báo, thu hút đầu tư và phối hợp phát triển; bảo vệ môi trường và phát triển bền vững...

6. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn

- Xây dựng hệ thống thông tin địa lý (GIS) phục vụ quản lý không gian và hạ tầng kỹ thuật, các hoạt động kinh tế - xã hội và đô thị - nông thôn.

- Thực hiện việc quản lý nhà nước hiệu quả về quy hoạch, phân bổ và sử dụng tài nguyên đất thông qua: (i) tích hợp các phương án bố trí không gian của các hoạt động kinh tế - xã hội (ngành, lĩnh vực) với các kế hoạch sử dụng đất trong một bản quy hoạch tỉnh thống nhất; (ii) quản lý đất đai minh bạch theo quy định pháp luật; (iii) quản lý đất đai hiệu quả bằng cách loại bỏ các rào cản hành chính và áp dụng các nguyên tắc kinh tế thị trường trong việc sử dụng, phân bổ và chuyển nhượng đất.

7. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

- Tổ chức công bố công khai quy hoạch; công khai các khu vực quy hoạch bố trí không gian các hoạt động kinh tế - xã hội; công khai các ngành, lĩnh vực, lãnh thổ được ưu tiên khuyến khích phát triển.

- Thường xuyên rà soát, khi cần thiết tiến hành điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch sử dụng đất trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với quy hoạch tỉnh. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội bảo đảm phù hợp với quy hoạch tỉnh và nhu cầu của thị trường; cụ thể hóa các nội dung quy hoạch thành kế hoạch 05 năm, hàng năm và các chương trình phát triển

kinh tế - xã hội, chương trình làm việc của các cấp ủy, chính quyền cơ sở.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch ở các cấp, các ngành; kịp thời phát hiện và xử lý hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của các quy hoạch.

XII. SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH

Danh mục sơ đồ, bản đồ Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định.

(Chi tiết tại Phụ lục XXXII)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Khẩn trương hoàn thiện hồ sơ, phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; tổ chức công bố và triển khai thực hiện theo đúng quy định.

b) **Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về nội dung, thông tin, số liệu, tài liệu, hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu của hồ sơ điều chỉnh quy hoạch tỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.**

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa X, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 27 tháng 02 năm 2026 và **có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua./.**

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh,
- Đoàn ĐBQH tỉnh Đồng Nai;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp xã;
- Trang TTĐT Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Công báo điện tử tỉnh;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Đồng Nai;
- Lưu: VT, PCTHĐND.

CHỦ TỊCH

Tôn Ngọc Hạnh